

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Đề án thí điểm Sàn dữ liệu thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 ngày 30/11/2024;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 ngày 19/11/2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14 ngày 12/6/2018;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 ngày 14/6/2025;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15 ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 259/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về tổ chức mô hình chính quyền đô thị và thí điểm thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Đề án Chuyển đổi số góp phần thúc đẩy,

tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội thành phố giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 471/QĐ-UBND ngày 11/3/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quy chế quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu số trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Thông báo số 148/TB-VPCP ngày 23/3/2026 của Văn phòng Chính phủ về kết luận Phiên họp lần thứ nhất năm 2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 2055/TTr-SKHCN ngày 08/06/2026 về việc phê duyệt Đề án thí điểm Sàn dữ liệu thành phố Đà Nẵng và kết quả lấy ý kiến thành viên UBND thành phố theo Công văn số 5980/VP-KGVX ngày 12/6/2026 của Văn phòng UBND thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án thí điểm Sàn dữ liệu thành phố Đà Nẵng

Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án thí điểm Sàn dữ liệu thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Mục tiêu và nội dung chính của Đề án

1. Mục tiêu

Xây dựng và triển khai thí điểm Sàn dữ liệu Đà Nẵng với phạm vi và quy mô phù hợp nhằm hình thành môi trường chia sẻ, khai thác, cung cấp và giao dịch dữ liệu an toàn, minh bạch, hiệu quả; thúc đẩy phát triển kinh tế số, đổi mới sáng tạo, nâng cao hiệu quả quản trị và khai thác giá trị dữ liệu của thành phố. Thông qua quá trình thí điểm, đánh giá bước đầu về tính khả thi, hiệu quả vận hành, nhu cầu tham gia của các bên liên quan và các cơ chế quản lý, khai thác dữ liệu, làm cơ sở thực tiễn để hoàn thiện mô hình sàn dữ liệu cấp địa phương, từng bước kết nối, tham gia Sàn dữ liệu quốc gia và xem xét mở rộng trong giai đoạn tiếp theo.

2. Nội dung chính

a) Xây dựng và vận hành nền tảng Sàn dữ liệu thành phố Đà Nẵng, hỗ trợ quản lý, chia sẻ, cung cấp, khai thác và thử nghiệm các cơ chế giao dịch dữ liệu theo quy định của pháp luật.

b) Xây dựng quy trình tiếp nhận, thẩm định, phân loại, xác nhận điều kiện công bố, định giá, giao dịch và khai thác dữ liệu theo quy định của pháp luật.

c) Tổ chức lựa chọn công khai các tổ chức, doanh nghiệp tham gia thí điểm với vai trò cung cấp dữ liệu, khai thác dữ liệu, vận hành kỹ thuật và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ theo tiêu chí, điều kiện do cơ quan có thẩm quyền ban hành và phù hợp quy định pháp luật.

d) Kết nối, tích hợp với các nền tảng số, cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin liên quan; hình thành danh mục dữ liệu tham gia chia sẻ, khai thác và thí điểm giao dịch trên sàn.

đ) Triển khai các hoạt động tuyên truyền, xúc tiến, kết nối cung - cầu dữ liệu; hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp tham gia chia sẻ, khai thác và giao dịch dữ liệu theo quy định của pháp luật.

e) Xây dựng cơ chế giám sát, kiểm toán, quản lý truy cập, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và tuân thủ pháp luật trong toàn bộ quá trình vận hành.

g) Tổng kết, đánh giá kết quả thí điểm; đề xuất cơ chế, chính sách và lộ trình triển khai chính thức trong giai đoạn tiếp theo.

3. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2028.

4. Việc triển khai Đề án phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, an toàn thông tin mạng, đầu tư công, ngân sách nhà nước, đấu thầu, quản lý tài sản công và các quy định pháp luật có liên quan; không làm phát sinh cơ chế đặc thù ngoài quy định hiện hành khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Là cơ quan đầu mối chủ trì tổ chức triển khai Đề án; có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết và hướng dẫn thực hiện Đề án.

b) Chủ trì tổ chức lựa chọn các tổ chức, doanh nghiệp tham gia thí điểm theo tiêu chí, điều kiện và quy trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan và tuân thủ quy định của pháp luật.

c) Chủ trì triển khai, theo dõi, đánh giá hoạt động của Sàn dữ liệu.

d) Chủ trì xây dựng, hoàn thiện và trình cấp có thẩm quyền xem xét ban hành các quy trình nghiệp vụ hướng dẫn triển khai Đề án theo quy định.

đ) Chủ trì tổng hợp kết quả thực hiện, định kỳ báo cáo UBND thành phố.

2. Công an thành phố

a) Hướng dẫn, hỗ trợ các nội dung liên quan đến bảo đảm an ninh mạng, an toàn dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân;

b) Phối hợp góp ý, hướng dẫn hoặc tham gia thẩm định các nội dung liên quan đến dữ liệu, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc chức năng quản lý nhà nước theo quy định.

3. Sở Tài chính

Chủ trì tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Đề án theo quy định; hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng kinh phí và các nguồn lực hợp pháp khác.

4. Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường

- a) Phối hợp rà soát, cung cấp, chia sẻ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý;
- b) Đề xuất nhu cầu khai thác, sử dụng dữ liệu;
- c) Tham gia đánh giá hiệu quả triển khai Đề án.

5. Các tổ chức, doanh nghiệp tham gia thí điểm

- a) Thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Đề án và các thỏa thuận với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- b) Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin mạng và các quy định pháp luật có liên quan;
- c) Thực hiện hạch toán độc lập, kê khai và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.
- d) Việc tham gia Đề án không làm phát sinh quyền ưu tiên, quyền khai thác độc quyền hoặc quyền tiếp cận độc quyền đối với dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Đề án chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- TT Thành ủy; TT HĐND TP;
- Chủ tịch và các Phó CT UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành;
- Lưu: VT, KHCN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Quang Bửu

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

ĐỀ ÁN

THÍ ĐIỂM SÀN DỮ LIỆU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Ban hành Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2026
của UBND thành phố Đà Nẵng)

Đà Nẵng, năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN A. TÓM TẮT BỐI CẢNH VÀ HIỆN TRẠNG.....	1
I. CĂN CỨ PHÁP LÝ.....	1
1. Các văn bản của Trung ương.....	1
2. Các chủ trương, chính sách của thành phố Đà Nẵng.....	4
II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN.....	6
1. Bối cảnh.....	6
2. Sự cần thiết xây dựng Đề án	7
3. Cơ sở pháp lý	9
III. THAM KHẢO VỀ PHÁT TRIỂN SÀN DỮ LIỆU	12
1. Các mô hình sàn dữ liệu đang hoạt động trên thế giới.....	12
2. Chuẩn mực, tiêu chuẩn và nền tảng dữ liệu hợp tác	13
3. Bài học kinh nghiệm chính sách quốc tế.....	14
4. Ở Việt Nam	15
IV. HIỆN TRẠNG DỮ LIỆU VÀ NHU CẦU TẠI THÀNH PHỐ	15
1. Hiện trạng hạ tầng và tài nguyên dữ liệu:	15
2. Hiện trạng phát triển dữ liệu trong cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố.....	17
3. Nhu cầu chia sẻ và khai thác dữ liệu	22
V. PHÂN TÍCH MÔ HÌNH SWOT ĐỐI VỚI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	24
PHẦN B. NỘI DUNG ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ	27
I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN.....	27
1. Mục tiêu tổng quát.....	27
2. Mục tiêu cụ thể	27
II. PHẠM VI THÍ ĐIỂM CỦA ĐỀ ÁN	28
1. Thời gian thực hiện	28
2. Phạm vi dữ liệu	28
3. Quy mô thí điểm	29
4. Nguyên tắc thí điểm.....	29
5. Đối tượng tham gia	30
III. MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG.....	30
1. Nguyên tắc hoạt động.....	30
2. Mô hình quản trị.....	31

3. Vai trò các bên tham gia	31
4. Các dịch vụ cung cấp trên sàn	32
IV. KIẾN TRÚC KỸ THUẬT	33
1. Kiến trúc tổng thể.....	33
2. Các phân hệ chức năng.....	35
3. Hạ tầng kỹ thuật.....	36
4. An toàn thông tin.....	37
5. Phương án dự phòng và khắc phục thảm họa.....	37
6. Phương án bảo đảm an ninh, trật tự.....	38
V. NỘI DUNG THỰC HIỆN	39
1. Thành lập Ban Chỉ đạo và các tổ nghiệp vụ triển khai Đề án.....	39
2. Tuyên truyền, phổ biến và thu hút các bên tham gia Sàn dữ liệu.....	39
3. Lựa chọn đơn vị tham gia thí điểm	39
4. Khảo sát, đánh giá hiện trạng.....	39
5. Xây dựng danh mục dữ liệu tham gia thí điểm	40
6. Chuẩn hóa và định danh dữ liệu.....	40
7. Xây dựng nền tảng kỹ thuật và các quy trình nghiệp vụ.....	40
8. Lập Đề án hoạt động Sàn dữ liệu và thực hiện các thủ tục thẩm định, cấp phép theo quy định	41
9. Tổ chức vận hành thí điểm.....	41
10. Đánh giá kết quả thí điểm.....	41
VI. PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ DỮ LIỆU	42
1. Phân loại dữ liệu.....	42
2. Điều kiện tham gia giao dịch.....	42
3. Quy trình thẩm định dữ liệu.....	43
4. Định giá dữ liệu.....	44
5. Bảo vệ dữ liệu cá nhân.....	44
6. Quản lý quyền truy cập	45
7. Kiểm toán và truy vết dữ liệu.....	45
VII. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH	46
1. Kinh phí thí điểm từ ngân sách nhà nước	46
2. Nguồn lực doanh nghiệp.....	46
3. Cơ chế khai thác, vận hành sau thí điểm	47
VIII. HIỆU QUẢ KINH TẾ – XÃ HỘI DỰ KIẾN	48
1. Đối với doanh nghiệp và kinh tế địa phương:	48

2. Đối với chính quyền và quản lý nhà nước:	49
3. Đối với cộng đồng và xã hội:	50
IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	51
1. Sở Khoa học và Công nghệ	51
2. Sở Tài chính.....	52
3. Sở Tư pháp	53
4. Công an thành phố	53
5. Các sở, ban, ngành có liên quan, phường thí điểm	53
6. Doanh nghiệp triển khai thí điểm	54
X. KẾT LUẬN.....	55

PHẦN A. TÓM TẮT BỐI CẢNH VÀ HIỆN TRẠNG

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Các văn bản của Trung ương

- Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15 ngày 11/12/2025;
- Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14 ngày 12/06/2018;
- Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 ngày 22/06/2023;
- Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 ngày 30/11/2024;
- Luật Công nghiệp công nghệ số 71/2025/QH15 ngày 14/06/2025;
- Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 ngày 25/06/2025;
- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27/06/2025;
- Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15 ngày 10/12/2025;
- Luật Đầu tư theo Phương thức đối tác công tư (PPP);
- Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và - Kết luận số 79-KL/TW ngày 13/5/2024 của Bộ Chính trị ban hành về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố;
- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng; Nghị quyết số 259/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về tổ chức mô hình chính quyền đô thị và thí điểm thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về "Hội nhập quốc tế trong tình hình mới";

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/04/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/05/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

- Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị định 137/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ về Quy định về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước và hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử;

- Nghị định 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu;

- Nghị định số 180/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hợp tác công tư trong lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

- Nghị định 243/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

- Nghị định 356/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân;

- Nghị định số 269/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ Về phát triển đô thị thông minh;

- Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ về Quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

- Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

- Quyết định 204-QĐ/TW ngày 29/11/2024 của Ban Chấp hành Trung ương về phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng;

- Quy định số 05-QĐ/BCĐTW ngày 27/8/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về Mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả và quản trị dựa trên dữ liệu trong hệ thống chính trị;

- Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 359/QĐ-TTg ngày 15/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn 2045;

- Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”;

- Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch Thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định 1012/QĐ-TTg ngày 20/09/2024 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 1131/QĐ-TTg ngày 12/06/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược;

Quyết định số 2244/QĐ-TTg ngày 13/10/2025 về việc ban hành bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả của Khoa học, Công nghệ, Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế - xã hội;

Quyết định 1512/QĐ-BTTTT ngày 10/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Khung phát triển hạ tầng số Việt Nam;

Quyết định số 912/QĐ-BKHCN ngày 18/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số thời kỳ 2025-2030;

Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/09/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng;

Quyết định số 292/QĐ-BKHCN ngày 25/3/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ số Việt Nam, phiên bản 4.0;

Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số;

2. Các chủ trương, chính sách của thành phố Đà Nẵng

- Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ I Đảng bộ thành phố Đà Nẵng, nhiệm kỳ 2025-2030;

- Kế hoạch hành động số 21-KH/TU ngày 10/9/2025 của Thành ủy Đà Nẵng về việc ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 55/2024/NQ-HĐND ngày 13/12/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định chi tiết về tiêu chí, điều kiện lựa chọn và trình tự, thủ tục đăng ký, thẩm định, cấp phép thực hiện thử nghiệm có kiểm soát các giải pháp công nghệ mới trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

- Quyết định số 3405/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Kiến trúc tổng thể thành phố thông minh thành phố Đà Nẵng, phiên bản 2.0;

- Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Đề án Chuyển đổi số góp phần thúc đẩy, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội thành phố giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035;

- Quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về phát triển thương mại điện tử thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026-2030;

- Quyết định số 3291/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND thành phố ban hành về việc ban hành Khung kiến trúc số thành phố Đà Nẵng;

- Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 28/7/2022 của UBND thành phố Đà Nẵng về Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn thành phố đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

- Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 của UBND thành phố Đà Nẵng về Kế hoạch quản trị và phát triển hạ tầng dữ liệu thành phố Đà Nẵng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

- Kế hoạch số 163/KH-UBND ngày 16/8/2023 của UBND thành phố Đà Nẵng về Kế hoạch phát triển công nghiệp CNTT trên địa bàn thành phố đến năm 2030

- Quyết định số 2937/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng Về việc phê duyệt, ban hành Danh mục dữ liệu mở thành phố Đà Nẵng

- Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về ban hành Đề án phát triển lĩnh vực vi mạch bán dẫn và trí tuệ nhân tạo thành phố Đà Nẵng

- Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về Kế hoạch triển khai Quyết định 1012/QĐ-TTg của Thủ tướng CP ngày 20/9/2024 phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính quyền TP Đà Nẵng và Chính phủ, Thủ tướng CP trực tuyến và dựa trên dữ liệu

- Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 01/03/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 43-CTr/TU ngày 14/02/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị

- Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 10/03/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về Triển khai “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2023”

- Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 17/07/2023 của UBND thành phố về việc ban hành Kế hoạch quản trị và phát triển hạ tầng dữ liệu thành phố Đà Nẵng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 471/QĐ-UBND ngày 11/3/2024 của UBND thành phố về việc ban hành quy chế quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 09/10/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về triển khai thực hiện Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

- Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 30/9/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về triển khai thực hiện chiến lược dữ liệu đến năm 2030 trên địa bàn thành phố.

II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Bối cảnh

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, sự gia tăng nhanh của lượng dữ liệu tạo ra từ hoạt động của Chính phủ, doanh nghiệp và người dân đã thúc đẩy hình thành nền kinh tế dữ liệu như một động lực tăng trưởng mới. Trong đó, dữ liệu không còn là sản phẩm phụ của hoạt động quản lý mà đã trở thành một loại tài sản chiến lược, có giá trị kinh tế, có thể giao dịch, khai thác thương mại và tạo ra giá trị gia tăng. Trong bối cảnh này, cần một mô hình phát triển kinh tế dữ liệu có định hướng, có hệ thống, phù hợp với Luật Dữ liệu và các khung kiến trúc – quản trị – từ điển dữ liệu đã được ban hành.

Dữ liệu ngày càng được xác định là nguồn lực sản xuất mới, có giá trị kinh tế tương đương với vốn, lao động và công nghệ. Hoạt động quản lý nhà nước, sản xuất – kinh doanh và đổi mới sáng tạo đều phụ thuộc ngày càng lớn vào dữ liệu.

Tuy nhiên, hiện nay: dữ liệu đang phân tán, khai thác chủ yếu theo cơ chế hành chính hoặc thỏa thuận song phương. Chưa hình thành thị trường dữ liệu chính thức, chưa có cơ chế định giá, giao dịch, chia sẻ lợi ích. Quyền và lợi ích của chủ thể dữ liệu (nhà nước, doanh nghiệp, cá nhân) chưa được bảo đảm đầy đủ khi dữ liệu được khai thác.

Trong khi đó, chủ trương của Trung ương đã xác định rõ yêu cầu hình thành thị trường dữ liệu, phát triển kinh tế dữ liệu, đồng thời cho phép thí điểm các mô hình mới theo cơ chế sandbox. Việc xây dựng Đề án thí điểm Sàn dữ liệu là cần thiết nhằm cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Trung ương, tạo công cụ thực tiễn để dữ liệu thực sự trở thành tài sản, hình thành hạ tầng dữ liệu phục vụ Trung tâm tài chính quốc tế và hệ sinh thái Fintech – AI.

2. Sự cần thiết xây dựng Đề án

Xu hướng dữ liệu trở thành tài sản chiến lược: Trong kỷ nguyên kinh tế số, dữ liệu được ví như tài nguyên mới, có vai trò quyết định trong đổi mới sáng tạo và tăng trưởng kinh tế. Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị (ngày 22/12/2024) đã nhấn mạnh việc “tối đa hóa tiềm năng của dữ liệu, biến dữ liệu thành nguồn lực sản xuất quan trọng, thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp dữ liệu và kinh tế số”. Dữ liệu không chỉ phục vụ quản trị và ra quyết định, mà còn trở thành hàng hóa có thể trao đổi, mua bán. Nhiều quốc gia tiên tiến đã hình thành **thị trường dữ liệu** nhằm khai thác giá trị của dữ liệu, tạo động lực cho đổi mới và dịch vụ số.

Nhu cầu hình thành thị trường dữ liệu tại địa phương: Hiện nay, Thành phố đang định hướng phát triển thành **Trung tâm Tài chính quốc tế**. Để hỗ trợ cho trung tâm tài chính và hệ sinh thái kinh tế số, cần có hạ tầng dữ liệu hiện đại, cho phép chia sẻ và giao dịch dữ liệu minh bạch, hợp pháp. Tuy nhiên, ở Việt Nam hiện chưa có thị trường dữ liệu chính thống. Việc trao đổi dữ liệu giữa các cơ quan, doanh nghiệp chủ yếu qua thỏa thuận song phương, thiếu cơ chế định giá và quản lý thống nhất. Điều này dẫn đến dữ liệu bị phân mảnh, nhiều tập dữ liệu giá trị chưa được khai thác thương mại, gây lãng phí nguồn lực. Do đó, việc thí điểm Sàn dữ liệu tại Thành phố là cần thiết để đi tiên phong hình thành thị trường dữ liệu cấp địa phương, từng bước mở rộng ra phạm vi quốc gia.

Động lực từ chính sách quốc gia: Chính phủ đã ban hành “Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030” (Quyết định 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024) với mục tiêu biến dữ liệu thành tài sản được pháp luật bảo vệ và hình thành thị trường mua bán dữ liệu. Chiến lược yêu cầu xây dựng các quy định về quyền sở hữu dữ liệu, quyền tài sản dữ liệu, cho phép mua bán, trao đổi dữ liệu một cách hợp pháp, cùng với các chính sách quản lý, chia sẻ dữ liệu an toàn. Bên cạnh đó, Nghị quyết 57-NQ/TW cũng đề ra nhiệm vụ xây dựng hạ tầng trao đổi dữ liệu quốc gia và thúc đẩy chính quyền, doanh nghiệp khai thác dữ liệu hiệu quả. Những định hướng này là cơ sở chính trị quan trọng khẳng định sự cần thiết và cấp bách của Đề án.

Kinh nghiệm quốc tế và trong nước: Trên thế giới, nhiều đô thị đã triển khai sàn giao dịch dữ liệu như mô hình hạ tầng chiến lược. Trung Quốc đã thành lập Sàn giao dịch Dữ liệu Bắc Kinh (Beijing International Big Data Exchange) từ 2021 với sự hỗ trợ của chính quyền thành phố. Đây được coi là nền tảng hạ tầng giao dịch dữ liệu, cho phép kiểm soát và đo lường việc sử dụng dữ liệu vô hình, tạo

bước đột phá giúp Bắc Kinh trở thành đô thị kiểu mẫu về kinh tế số. Đến cuối năm 2024, Sàn dữ liệu Bắc Kinh đã ghi nhận khối lượng giao dịch lũy kế gần 10 tỷ Nhân dân tệ với hơn 3.000 sản phẩm dữ liệu được đăng ký, thu hút hơn 100 tổ chức tham gia giao dịch. Thành phố Thượng Hải cũng ra mắt Sàn giao dịch Dữ liệu Thượng Hải (Shanghai Data Exchange) như một tổ chức dịch vụ công bán công, với sứ mệnh xây dựng thị trường cho yếu tố dữ liệu và thúc đẩy quá trình tài sản hóa dữ liệu. Những mô hình này cho thấy giao dịch dữ liệu có tính khả thi và mang lại lợi ích kinh tế – xã hội đáng kể nếu được triển khai đúng hướng.

Yêu cầu từ thực tiễn Thành phố: Tại địa phương, kho dữ liệu của các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp trên địa bàn rất phong phú (giao thông, du lịch, đô thị, tài chính công, v.v.). Tuy nhiên, hiện trạng cho thấy dữ liệu phân tán ở các cơ sở dữ liệu khác nhau, chưa được chuẩn hóa, kết nối và chia sẻ hiệu quả. Thành phố đã giao Sở Khoa học Công nghệ rà soát hiện trạng các cơ sở dữ liệu, đề xuất phương án số hóa, chuẩn hóa, hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ theo quy định Trung ương. Mặt khác, nhu cầu khai thác dữ liệu giữa các sở ban ngành, cũng như cung cầu dữ liệu giữa khu vực công và tư đang ngày càng tăng. Các doanh nghiệp khởi nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực Fintech, AI, thương mại điện tử tại Thành phố đang rất cần nguồn dữ liệu mở và dữ liệu thương mại để phát triển sản phẩm. Do đó, một sàn giao dịch dữ liệu thí điểm sẽ tạo môi trường kết nối *bên cung dữ liệu* (cơ quan nhà nước, doanh nghiệp sở hữu dữ liệu) với *bên cầu dữ liệu* (các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, startup...) một cách minh bạch, thuận tiện. Đây cũng là bước chuẩn bị cần thiết để Thành phố vận hành Trung tâm Tài chính quốc tế, nơi dòng chảy dữ liệu tài chính – kinh tế sẽ diễn ra sôi động đòi hỏi hạ tầng trao đổi dữ liệu hiện đại.

Thực hiện nhiệm vụ do lãnh đạo thành phố giao: Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng đã ban hành Kế hoạch số 21-KH/TU ngày 10/9/2025 nhằm triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW, trong đó giao UBND Thành phố xây dựng “Đề án thí điểm Sàn dữ liệu gắn với hình thành Trung tâm tài chính quốc tế” hoàn thành trong tháng 11/2025. Điều này thể hiện quyết tâm chính trị của lãnh đạo Thành phố trong việc sớm đưa vào hoạt động một sàn giao dịch dữ liệu thí điểm, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế số và trung tâm tài chính. Vì vậy, Đề án này được xây dựng để cụ thể hóa chỉ đạo của Thành ủy, tạo cơ sở cho UBND Thành phố xem xét phê duyệt và tổ chức triển khai.

Thành phố Đà Nẵng xác định không thể có trung tâm tài chính hiện đại cũng như phát triển Fintech, AI, phát triển kinh tế số nếu thiếu nền tảng dữ liệu hợp pháp, dữ liệu không được khai thác như một tài sản.

Về mặt quản lý nhà nước, trong bối cảnh yêu cầu bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày càng chặt chẽ, việc giao dịch dữ liệu tự phát tiềm ẩn nhiều rủi ro pháp lý. Sàn dữ liệu giúp tập trung giao dịch trên một nền tảng có thẩm định, có hợp đồng điện tử, có cơ chế thanh toán ký quỹ, có ghi nhận và truy vết đầy đủ, qua đó bảo đảm an toàn, minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Về mặt kinh tế, hiện nay tồn tại khoảng cách giữa bên có dữ liệu và bên có nhu cầu sử dụng dữ liệu. Sàn dữ liệu đóng vai trò trung gian tin cậy, kết nối cung – cầu, thiết lập cơ chế định giá, thanh toán và chia sẻ lợi ích rõ ràng, từ đó khuyến khích các tổ chức chủ động cung cấp và khai thác dữ liệu hợp pháp.

Về phát triển hệ sinh thái số, các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo, tài chính số, thương mại điện tử, đô thị thông minh đều phụ thuộc vào dữ liệu chất lượng cao. Sàn dữ liệu tạo môi trường chuẩn hóa, cung cấp API, sản phẩm phân tích, mô hình AI và dịch vụ giá trị gia tăng trong không gian kiểm soát an toàn.

Đề án Sàn giao dịch dữ liệu của Đà Nẵng không chỉ phục vụ địa phương, mà còn là mô hình thử nghiệm cho thị trường dữ liệu quốc gia.

Tóm lại, việc thí điểm Sàn dữ liệu tại Đà Nẵng là *cần thiết và cấp bách* nhằm: (1) Hiện thực hóa chủ trương biến dữ liệu thành tài sản, xây dựng thị trường dữ liệu được luật pháp công nhận; (2) Khai thông dòng chảy dữ liệu giữa các cơ quan, doanh nghiệp, thúc đẩy kinh tế số địa phương; (3) Tạo nền tảng hạ tầng dữ liệu cho Trung tâm Tài chính quốc tế Đà Nẵng; (4) Đón đầu xu hướng và học tập kinh nghiệm quốc tế về giao dịch dữ liệu; (5) Đề xuất khung pháp lý thử nghiệm (sandbox) cho mô hình mới, từng bước nhân rộng ra cả nước. Đây là luận cứ thuyết phục về sự cần thiết phải ban hành và triển khai Đề án.

3. Cơ sở pháp lý

Đề án được xây dựng trên cơ sở hệ thống các văn bản pháp luật, chủ trương của Đảng, chính sách của Chính phủ và chỉ đạo của Thành phố liên quan đến phát triển dữ liệu, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và mô hình hợp tác công tư (PPP). Các văn bản này là nền tảng để Thành phố triển khai thí điểm mô hình Sàn dữ liệu

gắn với Trung tâm tài chính quốc tế, đảm bảo phù hợp pháp luật và tạo hành lang thử nghiệm có kiểm soát. Cụ thể gồm:

- **Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị:** Đặt mục tiêu đột phá phát triển khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; khẳng định dữ liệu là nguồn lực chiến lược, yêu cầu hoàn thiện thể chế dữ liệu, phát triển thị trường dữ liệu và thiết lập cơ chế thử nghiệm các mô hình kinh tế số mới. Đây là căn cứ chính trị quan trọng cho việc thí điểm Sàn giao dịch dữ liệu cấp địa phương.

- **Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10/10/2023 của Bộ Chính trị:** Về xây dựng và phát triển Thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nghị quyết xác định Đà Nẵng là trung tâm tài chính khu vực, trung tâm đổi mới sáng tạo, công nghệ cao; làm cơ sở để phát triển mô hình sàn giao dịch dữ liệu gắn với Trung tâm tài chính quốc tế.

- **Chiến lược Dữ liệu quốc gia đến năm 2030** (Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ): Đặt mục tiêu đưa dữ liệu trở thành tài sản được bảo hộ pháp lý, phát triển thị trường dữ liệu và hoàn thiện các khung pháp lý liên quan, bao gồm Luật về dữ liệu, Nghị định giao dịch dữ liệu, tiêu chuẩn dữ liệu mở, chính sách khuyến khích doanh nghiệp dữ liệu. Chiến lược là căn cứ nền tảng để triển khai Sàn giao dịch dữ liệu theo đúng định hướng quốc gia.

- **Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ:** Về Kế hoạch hành động thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện. Nghị quyết yêu cầu các địa phương xây dựng các mô hình khai thác dữ liệu, thúc đẩy hình thành thị trường dữ liệu và triển khai các nền tảng giao dịch dữ liệu.

- **Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ** phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia; và **Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021** phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ số đến 2025: Nhấn mạnh nhiệm vụ phát triển các nền tảng tích hợp – chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở, dịch vụ dữ liệu và thúc đẩy thị trường dữ liệu.

- **Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân:** Quy định rõ nguyên tắc, điều kiện, giới hạn và trách nhiệm khi xử lý dữ liệu cá nhân; yêu cầu sự đồng ý, phân loại dữ liệu, ẩn danh và bảo mật. Đây là căn cứ pháp lý bắt buộc để thiết kế cơ chế giao dịch dữ liệu, đặc biệt là dữ liệu cá nhân, trên Sàn giao dịch thí điểm.

- **Luật Sở hữu trí tuệ (sửa đổi năm 2022):** Dù chưa quy định đầy đủ về “quyền tài sản dữ liệu”, nhưng Chiến lược dữ liệu quốc gia đã giao nhiệm vụ

nguyên cứu bổ sung. Trong giai đoạn thí điểm, quyền tài sản dữ liệu được xác lập thông qua hợp đồng điện tử và cơ chế token hóa dựa trên blockchain, phù hợp định hướng hoàn thiện pháp luật về tài sản số.

- **Luật Giao dịch điện tử 2023:** Quy định về định danh điện tử, hợp đồng điện tử, chứng thực và lưu trữ giao dịch điện tử; tạo cơ sở cho việc thực hiện các giao dịch dữ liệu, biên nhận, bản quyền và xác thực giao dịch trên sàn.

- **Luật An ninh mạng 2018:** Đảm bảo an toàn hệ thống thông tin quan trọng, kiểm soát rủi ro, bảo vệ dữ liệu và phòng chống tấn công mạng đối với hệ thống sàn giao dịch dữ liệu.

- **Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)** – được sửa đổi bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15: Cho phép triển khai PPP trong lĩnh vực hạ tầng số, dữ liệu và các dịch vụ số; quy định cơ chế lựa chọn nhà đầu tư, hợp đồng PPP và cơ chế chia sẻ rủi ro.

- **Nghị định số 180/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ** về cơ chế PPP trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Cho phép thí điểm các mô hình mới sử dụng tài sản dữ liệu, tài sản số; quy định cơ chế đặt hàng – giao nhiệm vụ – chia sẻ lợi ích trong các dự án dữ liệu theo mô hình PPP.

- **Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ:** Quy định chi tiết về lựa chọn nhà đầu tư PPP; là căn cứ để Thành phố xây dựng quy trình lựa chọn doanh nghiệp tham gia thí điểm Sàn giao dịch dữ liệu.

- **Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017 (sửa đổi 2020, 2024):** Điều chỉnh việc quản lý và khai thác dữ liệu do nhà nước tạo lập như một dạng tài sản công; là cơ sở để xác định phạm vi dữ liệu được phép đưa lên Sàn giao dịch trong giai đoạn thí điểm.

- **Nghị định số 278/2025/NĐ-CP về Quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị:** Quy định nguyên tắc chia sẻ dữ liệu, tiêu chuẩn API và kết nối hệ thống dữ liệu, là nền tảng cho việc tích hợp Sàn giao dịch dữ liệu với hệ thống LGSP – NGSP.

- **Nghị định số 85/2021/NĐ-CP về bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ:** Yêu cầu hệ thống thông tin quan trọng áp dụng cấp độ bảo mật phù hợp. Sàn giao dịch dữ liệu khi vận hành chính thức phải tuân thủ đầy đủ quy định của nghị định này.

- **Nghị định số 44/2024/NĐ-CP và Thông tư 13/2023/TT-BTTTT về định danh và xác thực điện tử:** Là cơ sở triển khai định danh, xác thực doanh nghiệp – tổ chức – cá nhân khi tham gia giao dịch dữ liệu.

- **Thông tư số 22/2023/TT-BTTTT:** Quy định tiêu chuẩn dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung, mô tả dữ liệu và yêu cầu về metadata.

- Các tiêu chuẩn quốc tế: **ISO 38505 (quản trị dữ liệu), ISO/IEC 27001 (an toàn thông tin), ISO/IEC 27701 (quyền riêng tư)** và các chuẩn kỹ thuật API như **OAuth2.0, OpenID Connect, OpenAPI** được tham chiếu để đảm bảo hệ thống an toàn, tương thích và mở rộng.

- **Kế hoạch số 21-KH/TU ngày 10/9/2025 của Thành ủy Đà Nẵng:** Giao nhiệm vụ cho UBND Thành phố tổ chức thí điểm các mô hình kinh tế số mới, trong đó có nền tảng giao dịch dữ liệu phục vụ định hướng Trung tâm tài chính quốc tế.

- **Thông báo số 45-TB/TWV ngày 30/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương:** Kết luận về định hướng phát triển các mô hình kinh tế số mới tại Đà Nẵng, trong đó bao gồm thí điểm Sàn giao dịch dữ liệu và cơ chế sandbox.

- **Công văn số 972/UBND-KGVX ngày 08/8/2025 của UBND Thành phố:** Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng cơ chế PPP về dữ liệu và triển khai Sàn giao dịch dữ liệu.

- **Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 30/9/2025** về triển khai thí điểm Bản sao số (Digital Twin) và nền tảng dữ liệu đô thị DT15; là nền tảng dữ liệu quan trọng để tích hợp và thử nghiệm giao dịch dữ liệu trong giai đoạn thí điểm.

Như vậy, Đề án có đầy đủ cơ sở pháp lý từ chủ trương của Đảng, chỉ đạo của Chính phủ đến quy định pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của Thành phố. Các căn cứ này xác định rõ việc thí điểm Sàn giao dịch dữ liệu là phù hợp định hướng quốc gia, có cơ sở pháp lý triển khai theo PPP, bảo đảm an toàn pháp lý – kỹ thuật và tạo môi trường thử nghiệm có kiểm soát trước khi nhân rộng.

III. THAM KHẢO VỀ PHÁT TRIỂN SÀN DỮ LIỆU

1. Các mô hình sàn dữ liệu đang hoạt động trên thế giới

a) Sàn trao đổi dữ liệu Trung Quốc

Trung Quốc là một trong những quốc gia đi đầu trong việc xây dựng sàn giao dịch dữ liệu quy mô lớn, với mạng lưới nhiều trung tâm ở các đô thị lớn như Quý Dương, Thâm Quyển, Thượng Hải, Quảng Châu. Các sàn này hoạt động như sàn giao dịch thương mại dữ liệu — nơi dữ liệu được niêm yết, mua bán và trao đổi

theo cơ chế thương mại có kiểm soát, nhấn mạnh vai trò của dữ liệu như nhân tố sản xuất mới trong kinh tế số.

Ví dụ: Shanghai Data Exchange (Sàn giao dịch dữ liệu Thượng Hải) được thành lập từ 2016 dưới sự hỗ trợ của chính quyền địa phương và các tập đoàn lớn, nhằm thúc đẩy lưu thông dữ liệu và tích hợp hệ sinh thái dữ liệu trong khu vực. ([Wikipedia](#))

Các sàn dữ liệu Trung Quốc đã đạt quy mô giao dịch lớn, với hàng tỷ nhân dân tệ khối lượng dữ liệu được giao dịch tích lũy tại các trung tâm như Quý Dương và Hải Nam, và số lượng sản phẩm dữ liệu niêm yết ngày càng tăng. ([NIICS](#)) Bài học ở đây là sự hỗ trợ mạnh mẽ của Nhà nước trong giai đoạn đầu, cả về mặt pháp lý, hạ tầng và kết nối thị trường, giúp hình thành niềm tin và thúc đẩy lưu thông dữ liệu.

b) Sàn dữ liệu khu vực và toàn cầu (Cloud / Marketplace)

Ở các nền kinh tế phát triển như Hoa Kỳ và khu vực Bắc Mỹ, nhiều thị trường dữ liệu thương mại đã hình thành trên nền tảng đám mây (cloud), thường do tư nhân vận hành:

- Snowflake Data Marketplace — nơi cung cấp hàng ngàn bộ dữ liệu sẵn sàng truy vấn từ nhiều nhà cung cấp khác nhau; doanh nghiệp có thể truy cập dữ liệu chất lượng cao theo nhu cầu. ([Monda](#))

- AWS Data Exchange và Azure Data Marketplace — các nền tảng do các nhà cung cấp dịch vụ đám mây lớn xây dựng, tập trung vào việc phân phối dữ liệu, dịch vụ dữ liệu theo mô hình thương mại. ([Appvizer](#))

- Databricks Marketplace và Datarade Marketplace là những ví dụ nổi bật khác trong lĩnh vực B2B, giúp kết nối người mua và nhà cung cấp dữ liệu bên ngoài một cách linh hoạt và tuân thủ tiêu chuẩn bảo mật dữ liệu. ([Bright Data](#)) Các mô hình này cho thấy thị trường dữ liệu có thể được vận hành theo cơ chế tư nhân, linh hoạt, phù hợp với môi trường kinh doanh – công nghệ cao, đặc biệt trong các lĩnh vực phân tích, trí tuệ nhân tạo và ứng dụng doanh nghiệp.

2. Chuẩn mực, tiêu chuẩn và nền tảng dữ liệu hợp tác

Không chỉ riêng sàn giao dịch dữ liệu thương mại, các sáng kiến quốc tế như Gaia-X (liên minh dữ liệu châu Âu) cũng định hướng phát triển hệ sinh thái dữ liệu liên kết, an toàn và minh bạch trên phạm vi xuyên biên giới.

Gaia-X là một dự án hạ tầng dữ liệu liên kết các thực thể châu Âu, đặt trọng tâm vào chủ quyền dữ liệu, tiêu chuẩn mở và tính tương thích cao, nhằm tạo điều kiện chia sẻ dữ liệu giữa các nước thành viên trong khuôn khổ giá trị châu Âu. ([Wikipedia](#)). Sáng kiến này thể hiện cách tiếp cận phi trung tâm dữ liệu duy nhất, mà là một mạng lưới các không gian dữ liệu tuân thủ chung về quản trị và kỹ thuật, giúp tăng tính tin cậy và khuyến khích chia sẻ dữ liệu an toàn.

3. Bài học kinh nghiệm chính sách quốc tế

Từ các mô hình nêu trên và các nghiên cứu toàn cầu về thị trường dữ liệu, có thể tổng hợp các bài học chính sách quan trọng để tham khảo trong xây dựng Sàn giao dịch dữ liệu:

a) Hỗ trợ thể chế ban đầu

Các nền kinh tế tiên tiến thường hỗ trợ mạnh mẽ giai đoạn hình thành thị trường dữ liệu, thông qua:

- Ban hành quy định pháp lý rõ ràng cho hoạt động trung gian dữ liệu.
 - Hỗ trợ hạ tầng, tiêu chuẩn kỹ thuật và bảo mật.
 - Tạo điều kiện sandbox để thử nghiệm các mô hình giao dịch mới.
- Kinh nghiệm Trung Quốc phản ánh thực tế này khi Nhà nước giữ vai trò trọng tâm trong việc tổ chức và vận hành các sàn dữ liệu lớn ban đầu. ([NIICS](#))

b) Tiêu chuẩn hóa và quản trị dữ liệu

Việc xây dựng chuẩn chung về mô tả, truy cập và chia sẻ dữ liệu là điều kiện tiên quyết cho thị trường dữ liệu bền vững. Các tổ chức như International Data Spaces Association (IDSA) đóng vai trò trong việc tạo ra tiêu chuẩn vận hành, bảo mật và tuân thủ trong hệ sinh thái dữ liệu toàn cầu. ([Wikipedia](#))

c) Đa dạng hóa mô hình thị trường

Thị trường dữ liệu không bị giới hạn trong mô hình sàn giao dịch công, mà còn có thể tồn tại dưới dạng:

- Marketplace thương mại do tư nhân vận hành (cloud marketplace).
 - Hệ sinh thái dữ liệu liên kết tiêu chuẩn mở (như Gaia-X).
 - Hợp tác dữ liệu theo chuẩn quốc tế giữa doanh nghiệp và tổ chức quốc tế.
- Điều này cho thấy tính linh hoạt cao trong thiết kế thị trường dữ liệu, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế số từng quốc gia.

4. Ở Việt Nam

Việt Nam chưa có ngành, địa phương nào triển khai sản dữ liệu. Hiện Bộ Công an đang nghiên cứu xây dựng Đề án sản dữ liệu Quốc gia.

IV. HIỆN TRẠNG DỮ LIỆU VÀ NHU CẦU TẠI THÀNH PHỐ

1. Hiện trạng hạ tầng và tài nguyên dữ liệu:

Thành phố Đà Nẵng thời gian qua đã đầu tư xây dựng nhiều cơ sở dữ liệu (CSDL) trọng điểm phục vụ chính quyền điện tử và đô thị thông minh, như: CSDL dân cư, CSDL doanh nghiệp, đất đai, giao thông, du lịch, y tế, giáo dục... Trung tâm dữ liệu thành phố và Trung tâm Giám sát – Điều hành đô thị thông minh (IOC) đã được hình thành, tích hợp một phần dữ liệu từ các nguồn khác nhau. Tuy nhiên, toàn cảnh dữ liệu của Thành phố vẫn còn phân tán ở nhiều đơn vị quản lý khác nhau, với các hạn chế cụ thể như:

- Mỗi sở, ban, ngành có các CSDL chuyên ngành riêng, mức độ số hóa và chuẩn hóa khác nhau. Chưa có data lake dùng chung tập trung để lưu trữ và quản lý tất cả dữ liệu thô từ các nguồn.

- Việc kết nối và chia sẻ dữ liệu liên ngành còn hạn chế. Dù đã có nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP), nhiều dữ liệu chi tiết chưa được đưa lên dùng chung hoặc chưa có API chia sẻ theo chuẩn quy định. Thành phố hiện đang thực hiện rà soát tổng thể tất cả CSDL để chuẩn hóa, làm sạch và kết nối đồng bộ theo lộ trình đến năm 2026.

- Chất lượng dữ liệu không đồng đều, nhiều bộ dữ liệu thiếu siêu dữ liệu (metadata) chuẩn hóa, khiến việc tìm kiếm, phân loại và tái sử dụng còn gặp khó khăn. Công tác quản trị dữ liệu (data governance) mới ở giai đoạn đầu, chưa có quy chế thống nhất về quản lý, cập nhật, giám sát và định giá dữ liệu.

- Chưa có nền tảng dữ liệu trung gian làm nhiệm vụ đồng bộ, chuẩn hóa, đánh chỉ mục (indexing) và phục vụ nhu cầu khai thác dữ liệu theo cơ chế thị trường. Các hệ thống hiện có chủ yếu phục vụ tác nghiệp nội bộ, chưa đủ chức năng niêm yết – định giá – giao dịch dữ liệu.

- Hiện trạng dữ liệu từ khu vực doanh nghiệp: nhiều doanh nghiệp trong logistics, thương mại điện tử, tài chính – ngân hàng, bất động sản, du lịch, viễn thông... sở hữu lượng dữ liệu lớn nhưng chưa có cơ chế hợp pháp, an toàn và có

kiểm soát để chia sẻ hoặc thương mại hóa. Các bộ dữ liệu này đang tồn tại rời rạc, thiếu chuẩn mô tả chung và thiếu nền tảng giao dịch.

- Dữ liệu tri thức và dữ liệu thuộc sở hữu cá nhân chưa được xác lập cơ chế giao dịch hợp pháp. Nhiều loại dữ liệu do người dân, chuyên gia, nhà nghiên cứu, tổ chức nghề nghiệp tạo lập (ví dụ: dữ liệu cảm biến cá nhân, bộ dữ liệu khảo sát, dữ liệu đo đạc độc lập, dữ liệu chuyên môn, dữ liệu phân tích – nghiên cứu, dữ liệu sáng tạo số) hiện chưa có nền tảng để niêm yết, giao dịch hoặc cấp phép sử dụng. Quyền lợi hợp pháp của chủ sở hữu dữ liệu — như quyền kiểm soát, quyền cho phép sử dụng, quyền nhận thù lao — chưa được bảo đảm do thiếu hành lang kỹ thuật và pháp lý.

- Người dân chưa có công cụ để quản lý dữ liệu của mình, bao gồm dữ liệu danh tính, dữ liệu hành vi số, dữ liệu thiết bị IoT, dữ liệu mạng xã hội, dữ liệu học tập – y tế – tiêu dùng. Việc bảo vệ dữ liệu cá nhân dù đã được quy định trong Nghị định 13/2023/NĐ-CP nhưng chưa có nền tảng thực thi qua giao dịch dữ liệu, dẫn đến rủi ro lộ lọt hoặc sử dụng sai mục đích.

- Hệ sinh thái dữ liệu đô thị chưa hoàn chỉnh. Một số nền tảng dữ liệu (GIS, IOC, LGSP, kho dữ liệu chuyên ngành) đã được thiết lập, nhưng chưa được liên thông trên một nền tảng tổng hợp, khiến khó khăn trong việc khai thác các dịch vụ phân tích dữ liệu, AI, dự báo phục vụ quản lý đô thị và doanh nghiệp.

- An toàn, bảo mật dữ liệu: Thành phố đã quan tâm đến an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu (thành lập Ban An toàn – an ninh mạng Thành phố), song năng lực bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu nhạy cảm và dữ liệu giao dịch còn cần được củng cố, đặc biệt khi mở rộng chia sẻ dữ liệu ra nhiều bên tham gia theo cơ chế thị trường.

Tóm lại, hạ tầng kỹ thuật và tài nguyên dữ liệu hiện có là tiền đề quan trọng để triển khai thí điểm Sàn giao dịch dữ liệu. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu vận hành một mô hình trao đổi – giao dịch dữ liệu theo chuẩn quốc gia và quốc tế, Thành phố cần tiếp tục nâng cấp mạnh mẽ về chuẩn hóa dữ liệu, quản trị dữ liệu, an toàn thông tin và cơ chế bảo vệ quyền lợi của chủ thể dữ liệu. Đề án thí điểm sẽ vừa khai thác ngay một số tập dữ liệu hiện có, vừa thúc đẩy quá trình số hóa, chuẩn hóa, bảo hộ quyền tài sản dữ liệu và đồng bộ dữ liệu còn lại của Thành phố.

2. Hiện trạng phát triển dữ liệu trong cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố

Thành phố đã xây dựng Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu LGSP thành phố đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn của Bộ Thông tin và Truyền thông theo Công văn số 631/THH-THHT ngày 21/5/2020 của Cục Tin học hóa (nay là Cục Chuyển đổi số quốc gia) về việc hướng dẫn yêu cầu về chức năng, tính năng kỹ thuật của Nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung cấp bộ, cấp tỉnh (Phiên bản 1.0) để tích hợp liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống trong nội bộ Thành phố, đồng thời kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) để chia sẻ, đồng bộ dữ liệu từ các cơ quan Trung ương. Tính đến nay đã có 47 dịch vụ API được triển khai trên Nền tảng LGSP, 115 đơn vị đăng ký sử dụng API, gần 3 triệu lượt giao dịch qua Nền tảng.

a) Hiện trạng chung về CSDL

Đến nay, thành phố đã hoàn thành xây dựng các CSDL nền như

- + CSDL công dân: với hơn 1,3 triệu dữ liệu, đạt 100% dân số
- + CSDL doanh nghiệp: với gần 44.000 dữ liệu, đạt 100% doanh nghiệp
- + CSDL cán bộ công chức viên chức: với hơn 33.600 dữ liệu, đạt 100%
- + CSDL thủ tục hành chính

Các CSDL nền này được kết nối, chia sẻ dùng chung qua Nền tảng Hệ thống thông tin Chính quyền điện tử thành phố. Đồng thời, thành phố đã triển khai kết nối, đồng bộ dữ liệu với CSDL quốc gia quốc gia, Hệ thống thông tin và CSDL của bộ ngành để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và xử lý nghiệp vụ chuyên ngành. Việc đồng bộ, liên thông gồm: CSDL quốc gia về dân cư, CSDL quốc gia về doanh nghiệp, Hệ thống thông tin quản lý cấp phiếu Lý lịch tư pháp (Đồng bộ về Đơn đăng ký, tình hình và kết quả giải quyết 04 thủ tục lĩnh vực cấp phiếu Lý lịch tư pháp); Phần mềm quản lý hộ tịch dùng chung (Đồng bộ về Đơn đăng ký, tình hình và kết quả giải quyết 23 thủ tục lĩnh vực Hộ tịch); Phần mềm quản lý thông tin đất đai VILIS (Đồng bộ thông tin về tình hình, kết quả giải quyết các thủ tục đất đai, thông báo thực hiện nghĩa vụ thuế từ cơ quan thuế),...

Ngoài ra các cơ quan, địa phương đã xây dựng 560 CSDL và ứng dụng chuyên ngành như CSDL giáo dục nghề nghiệp, CSDL nguồn gốc thực phẩm, CSDL hộ tịch, CSDL lao động,... để phục vụ cung cấp dịch vụ công. Đã triển khai 23 Hệ thống CSDL và phần mềm quản lý nhà nước chuyên ngành của các sở,

ngành và các quận, huyện nhằm mô phỏng toàn bộ hoạt động, quy trình nghiệp vụ quản lý nhà nước trong nội bộ của cơ quan, địa phương.

b) Hiện trạng các CSDL khác

- CSDL không gian đô thị (GIS)

Sở Tài nguyên và Môi trường đã triển khai đo đạc, số hóa dữ liệu của hơn 560.000 thửa đất, xây dựng CSDL đất đai gồm: CSDL địa chính cho 07 quận, huyện; CSDL thống kê, kiểm kê đất đai cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh; CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, cấp tỉnh; CSDL giá đất; Sở Xây dựng đã xây dựng CSDL không gian đô thị và quy hoạch, trong đó đã cập nhật 01 đồ án quy hoạch chung, 07 đồ án quy hoạch phân khu và hơn 6.500 đồ án quy hoạch chi tiết toàn thành phố; Sở Giao thông Vận tải đã xây dựng CSDL hạ tầng giao thông vận tải tại 02 quận Hải Châu, Thanh Khê; Sở Công Thương đã xây dựng CSDL lưới điện.

- CSDL quốc gia về dân cư

Đã thực hiện phân quyền khai thác 03 dịch vụ từ CSDL quốc gia về dân cư cho 18/20 sở ban ngành, 07/7 quận huyện và 56/56 phường xã, Bảo hiểm xã hội, Ngân hàng chính sách thành phố, Điện lực Đà Nẵng, Cục Thuế và các Chi cục Thuế, Công ty cấp nước Đà Nẵng. Tính từ khi đưa vào sử dụng đến nay, đã có 449.432 lượt sử dụng, giao dịch giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố với CSDL quốc gia về dân cư.

- Dữ liệu về CBCCVC

Sở Nội vụ đã triển khai nhiều giải pháp, bộ công cụ robot tự động kiểm tra và xác thực dữ liệu theo hướng tự động, “thông minh” có khả năng tự rà quét hồ sơ, phát hiện ra các lỗi sai sót, thiếu thông tin hoặc các sai sót mang tính chất nghiệp vụ để kịp thời đưa cảnh báo đến các đơn vị trực tiếp trên hệ thống và thông qua email.

Đến nay Sở Nội vụ thành phố Đà Nẵng đã hoàn thành số lượng hồ sơ đã cập nhập 30.606 hồ sơ (đạt tỷ lệ 100%), việc cập nhật, tích hợp, đồng bộ dữ liệu về CBCCVC đúng tiến độ theo chỉ đạo của Bộ Nội vụ và xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- CSDL Hộ tịch điện tử

Đến tháng 3/2025, Sở Tư pháp đã hoàn thành việc số hóa 2.580.552 trường hợp hộ tịch, đạt tỷ lệ 100%. Cơ sở dữ liệu này đã được đồng bộ vào hệ thống cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử quốc gia, kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân

cư (Đề án 06), tạo thuận lợi cho việc tra cứu, giải quyết thủ tục hành chính và cắt giảm giấy tờ cho công dân, đặc biệt là thuận lợi trong việc thực hiện cấp bản sao trích lục hộ tịch không phụ thuộc vào nơi đăng ký hộ tịch trước đây.

- Về rà soát CSDLQG về bảo hiểm

Bảo hiểm xã hội Đà Nẵng đã đẩy mạnh việc rà soát, làm sạch, xác thực thông tin người tham gia với cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) về dân cư nhằm hoàn thiện hệ sinh thái kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu CSDLQG về dân cư

Tính đến nay, hệ thống đã xác thực 1.085.540 thông tin người đang tham gia có trong CSDLQG về bảo hiểm với CSDLQG về dân cư (không bao gồm lực lượng vũ trang, thân nhân quân đội), chiếm tỉ lệ 99,2% tổng số người đang tham gia BHXH, BHYT, BHTN.

- Dữ liệu mở

UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 2937/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 (thay thế Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023) về việc phê duyệt, ban hành Danh mục dữ liệu mở thành phố Đà Nẵng. Danh mục dữ liệu mở của thành phố Đà Nẵng công bố gồm 14 lĩnh vực và 211 nội dung. Trong đó, các lĩnh vực được doanh nghiệp, người dân quan tâm được yêu cầu công khai nhiều nhất (Ví dụ: Lĩnh vực Tài nguyên và môi trường có 38 nội dung như dữ liệu thửa đất, quan trắc môi trường, các vị trí rủi ro thiên tai, ...; Kinh tế có 23 nội dung; Y tế-sức khỏe có 20 nội dung;...). Quyết định số yêu cầu tất cả (100%) các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, phường, xã nghiên cứu, công khai dữ liệu của cơ quan, đơn vị đang quản lý lên Cổng dữ liệu thành phố.

- Dữ liệu Mã số thuế (MST)

+ Đối với cá nhân, hộ kinh doanh của 4 nhóm ưu tiên đã khớp đúng với CSDL quốc gia về dân cư: tính đến ngày 08/10/2025, tỷ lệ MST theo 4 nhóm của Thuế thành phố Đà Nẵng và các thuế cơ sở đã rà soát là 100%; đã khớp đúng với dữ liệu quốc gia về dân cư (Bộ Công an) là 64,72%, trong đó: nhóm 1 (tiền lương, tiền công) đạt 76,59%, nhóm 2 (NNT sử dụng đất phi nông nghiệp) đạt 64,04%, nhóm 3 (hộ kinh doanh đang có nghĩa vụ nợ/nộp thừa) đạt 54,64%, nhóm 4 (cá nhân khác không thuộc nhóm 1,2,3) đạt 46,19%; nhóm 5 (đối tượng khác) đạt 12,51%; tổng số lượng MST đã rà soát khớp đúng với dữ liệu quốc gia về dân cư (Bộ Công an) là 224.515 MST.

+ Đối với tổ chức đã khớp đúng với CSDL quốc gia về dân cư: 3.945/4.149 NNT, đạt tỷ lệ 95,08%, trong đó Thuế cơ sở 5 có tỷ lệ khớp đúng cao

nhất 99,47%; Thuế cơ sở 10 đạt 98.98%; Thuế cơ sở 4 là 98.94%; Thuế cơ sở 3 97.90%; Văn phòng Thuế Thành phố Đà Nẵng là 92.02%.

- Dữ liệu kho lưu trữ

Sở Nội vụ quản lý toàn diện tài liệu trong tất cả kho lưu trữ hiện hành ở các cơ quan, đơn vị (thông qua dữ liệu đặc tả chung); giúp thống kê, quản lý tổng thể số lượng hồ sơ, số mét tài liệu lưu trữ (bao gồm lưu trữ hiện hành và lưu trữ lịch sử); tình hình tra cứu, khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ ở tất cả các cơ quan, đơn vị. Thông qua khai thác dữ liệu đặc tả, kho lưu trữ số cũng cho phép tra cứu, xác định sự tồn tại của một số hồ sơ theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan có thẩm quyền. Theo dõi tình hình, lộ trình số hóa tài liệu của từng cơ quan, kiểm tra chất lượng dữ liệu số hóa từ đầu vào; hỗ trợ tìm tài liệu giấy khi có tài liệu điện tử và ngược lại). Đến nay, đã nhập liệu và đưa lên hệ thống hơn 1.100.000 dữ liệu đặc tả, cho phép tìm kiếm cụ thể sự tồn tại của tài liệu và vị trí lưu trữ tài liệu giấy.

c) Hiện trạng Kho dữ liệu dùng chung toàn thành phố

Sở Thông tin và Truyền thông (nay là Sở Khoa học và Công nghệ) đã hoàn thành và đưa vào sử dụng thí điểm Kho dữ liệu dùng chung của thành phố. UBND thành phố đã ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố tại Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 11/01/2024.

Hình thành và đưa vào sử dụng Kho dữ liệu dùng chung toàn thành phố để thu thập, làm sạch, chuẩn hóa các CSDL nền và một số CSDL chuyên ngành (có cấu trúc) phục vụ chia sẻ sử dụng chung và phân tích dữ liệu thông minh, ra quyết định chỉ đạo, điều hành. Hiện nay đang tiếp tục xây dựng mở rộng Kho dữ liệu dùng chung để có khả năng thu thập, xử lý các dữ liệu phi/bán cấu trúc (dữ liệu camera, IoT, cảm biến, mạng xã hội,...) để chia sẻ cho các ngành, địa phương sử dụng trong chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ tốt hơn cho người dân. Kho dữ liệu dùng chung Đà Nẵng được Bộ Khoa học và Công nghệ đánh giá, đưa vào Danh mục câu chuyện tiêu biểu chuyển đổi số và giới thiệu cho các tỉnh thực hiện. Đưa vào hoạt động Cổng Dữ liệu mở phục vụ cung cấp dữ liệu mở của người dân, doanh nghiệp tra cứu, khai thác (qua API, web, SMS, Zalo). Đến nay đã cung cấp hơn 1000 tập dữ liệu mở cho người dân, doanh nghiệp tra cứu, khai thác; chia sẻ 30 API dữ liệu để cung cấp dịch vụ/tiện ích của App DaNang Smart city; có 03 doanh nghiệp sử dụng dữ liệu qua API.

d) Hiện trạng Kho kết quả thủ tục hành chính

- Thành phố đã xây dựng và đưa vào sử dụng Kho kết quả thủ tục hành chính số để cắt giảm một số thủ tục hành chính (như các thủ tục cấp lại do hư hỏng, mất),

thực hiện ngay trong ngày đối với thủ tục cấp đổi, không yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp bản giấy thành phần hồ sơ đối với kết quả số đã có trong Kho; cho phép các cơ quan rà soát, ban hành lại Bộ TTHC số theo hướng sử dụng lại kết quả TTHC số trong Kho, và tiến đến huỷ bỏ 190 TTHC (chiếm 10% tổng TTHC thành phố) về cấp lại, cấp đổi; đồng thời sử dụng dữ liệu số để thay thế, giảm thành phần hồ sơ phải nộp.

- Tỷ lệ số hóa, cấp kết quả TTHC số đạt 64% tính đến thời điểm hiện tại, trong đó 100% kết quả mới (năm 2023 và Quý I/2024) đã được số hóa đưa vào Kho kết quả TTHC (mục tiêu năm 2024, đạt 100% kết quả mới và 90% kết quả các năm 2020-2022).

- Về Kết quả giải quyết TTHC (số) được sử dụng lại: Qua thống kê sơ bộ các sở ngành thành phố; trung bình có khoảng 21% TTHC đã công bố, sử dụng lại kết quả TTHC số để người dân không phải nộp thành phần hồ sơ này (Sở GTVT: 52% TTHC áp dụng, Sở Du lịch: 42%, Sở NN và TTNN: 32%, Sở TT&TT: 25%).

- Trung tâm Thông tin và Giám sát điều hành thông minh thành phố (IOC) giám sát độc lập tình hình xử lý hồ sơ TTHC và cảnh báo sớm đến thủ trưởng cơ quan, đơn vị và cán bộ kiểm soát TTHC về hồ sơ gần tới hạn, chưa tiếp nhận hồ sơ trực tuyến. Hệ thống giám sát từng giai đoạn giải quyết của mỗi hồ sơ, bao gồm: đôn đốc các đơn vị ưu tiên tiếp nhận các hồ sơ đã nộp quá 4 giờ, giải quyết dứt điểm các hồ sơ quá hạn trả kết quả; đối với hồ sơ sắp đến hạn trả, thực hiện gửi email thông báo đến lãnh đạo đơn vị và cán bộ đang trực tiếp xử lý hồ sơ để biết thông tin, chủ động xử lý kịp thời, giảm thiểu hồ sơ trễ hạn.

Cụ thể, từ 01/01/2024 đến 10/10/2024: Trung tâm IOC đã thực hiện gửi cảnh báo thông báo sớm đối với 100% hồ sơ TTHC (82.050 hồ sơ) sắp tới hạn trả kết quả đến các cơ quan, đơn vị để biết thông tin, chủ động xử lý kịp thời, giảm thiểu hồ sơ trễ hạn tại các đơn vị.

Việc triển khai công cụ giám sát, cảnh báo sớm đã giúp giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hạn hơn 12 lần so với trước khi triển khai (từ 3,1% hồ sơ trễ hạn của 9 tháng đầu năm 2023 xuống còn 0,25% hồ sơ trễ hạn trong 9 tháng đầu năm 2024)

- Đã có hơn 260.000 người dân trưởng thành có tài khoản công dân số và 01 kho dữ liệu số trên Hệ thống Chính quyền, đạt tỷ lệ 45% (mục tiêu 2024 là 70%).

- Triển khai các chính sách khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp, người dân sử dụng DVCTT như chính sách giảm thời gian xử lý hồ sơ trực tuyến đến 50% so với xử lý hồ sơ trực tiếp ; giảm phí, lệ phí khi sử dụng DVCTT ; hỗ trợ chi phí khi

chuyển phát trả kết quả qua bưu điện ; hỗ trợ điện thoại thông minh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo .

- Cung cấp nhiều tiện ích trước, trong và sau xử lý, cấp kết quả giải quyết TTHC như tiện ích hẹn lịch làm DVC ; thông báo trạng thái hồ sơ DVCTT qua Zalo ; gắn mã QR cho kết quả TTHC theo dạng cấp phép để người dân thuận lợi sử dụng trong quản lý, xuất trình và công chức quét mã QR qua App Da Nang Smart City trong kiểm tra, thanh tra .

Trong 9 tháng đầu năm 2024, tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố đạt tỷ lệ 99,9% (79.481 ý kiến hài lòng /79.560 ý kiến tham gia khảo sát), phản ánh rõ nét kết quả của các giải pháp phòng chống tham nhũng, tiêu cực mà thành phố đã triển khai.

3. Nhu cầu chia sẻ và khai thác dữ liệu

- **Khối cơ quan nhà nước:** Nhu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các sở ngành để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính liên thông, phân tích liên ngành đang tăng mạnh. Ví dụ, dữ liệu dân cư, doanh nghiệp cần được chia sẻ cho nhiều đơn vị sử dụng để thực hiện “một lần khai báo”. Hiện tại, tỷ lệ khai thác dữ liệu chung còn thấp, nhiều thủ tục vẫn yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp lại giấy tờ vốn đã có trong CSDL khác. Sàn giao dịch dữ liệu sẽ tạo kênh để các cơ quan chủ quản dữ liệu cung cấp dữ liệu cho nhau một cách nhanh chóng, có kiểm soát, theo cơ chế “một cửa dữ liệu”.

- **Khối doanh nghiệp:** Doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ số, logistic, tài chính – ngân hàng, du lịch và thương mại điện tử, rất cần dữ liệu để phân tích thị trường, hành vi khách hàng, xây dựng sản phẩm mới (AI, machine learning...). Nhu cầu mua dữ liệu từ bên thứ ba (ví dụ: dữ liệu thống kê du lịch, dữ liệu giao thông thời gian thực, dữ liệu khí tượng – môi trường, dữ liệu tiêu dùng) ngày càng lớn. Tuy nhiên, do thiếu thị trường chính thống, doanh nghiệp khó tiếp cận dữ liệu đáng tin cậy hoặc phải tự thu thập với chi phí cao, làm giảm năng lực cạnh tranh. Sàn giao dịch dữ liệu sẽ giúp doanh nghiệp tìm kiếm, mua và sử dụng dữ liệu một cách minh bạch, thuận tiện hơn, đồng thời mở ra thị trường mới cho doanh nghiệp cung cấp dữ liệu.

- **Khối viện nghiên cứu, trường đại học, phòng lab và startup:** Nhóm này cần dữ liệu để phục vụ nghiên cứu khoa học, thử nghiệm thuật toán và phát triển sản phẩm đổi mới sáng tạo. Nhiều dữ liệu công nếu được mở qua sàn sẽ hỗ trợ mạnh mẽ cộng đồng nghiên cứu và startup. Ví dụ, startup về đô thị thông minh có

thể mua dữ liệu cảm biến môi trường, dữ liệu giao thông, dữ liệu bản đồ 3D để mô phỏng và phân tích. Hiện tại, dữ liệu mở của Thành phố còn hạn chế về danh mục và kênh cung cấp; sàn giao dịch có thể đóng vai trò như cổng dữ liệu mở (Open Data Portal), cung cấp cả dữ liệu miễn phí và dữ liệu thương mại.

- **Đối với chính quyền thành phố:** Việc có một nền tảng tập trung về dữ liệu giúp lãnh đạo Thành phố “nhìn được bức tranh toàn cảnh” về tài nguyên dữ liệu địa phương. Thống kê giao dịch trên sàn cho thấy dữ liệu nào được quan tâm nhiều, từ đó gợi ý lĩnh vực tiềm năng để phát triển dịch vụ dữ liệu. Đồng thời, Sàn giúp Thành phố kiểm soát việc chia sẻ dữ liệu ra bên ngoài (ai dùng dữ liệu gì, tần suất bao nhiêu), tránh rò rỉ dữ liệu nhạy cảm. Sàn cũng góp phần tạo nguồn thu hợp pháp từ hoạt động mua bán dữ liệu (phí giao dịch, thuế).

- **Người dân – cá nhân – chủ thể dữ liệu:** Người dân ngày càng sở hữu nhiều loại dữ liệu cá nhân có giá trị như dữ liệu hành vi số, dữ liệu thiết bị IoT (sức khỏe, vận động, cảm biến môi trường hộ gia đình), dữ liệu tiêu dùng, dữ liệu học tập, lịch sử giao dịch... Tuy nhiên, hiện chưa có nền tảng chính thống để người dân:

+ Tự quản lý dữ liệu của mình,

+ Cấp phép cho bên thứ ba sử dụng dữ liệu,

+ Nhận quyền lợi (thù lao, chia sẻ giá trị) khi dữ liệu được khai thác. Sàn giao dịch dữ liệu sẽ giúp cá nhân chủ động kiểm soát dữ liệu, thiết lập quyền riêng tư theo chuẩn Nghị định 13/2023/NĐ-CP, và có cơ chế chứng thực – cấp phép minh bạch. Đây cũng là bước đầu để hình thành “kinh tế chia sẻ dữ liệu của người dân”.

- **Nhóm chuyên gia, nhà nghiên cứu, tổ chức nghề nghiệp – chủ sở hữu dữ liệu tri thức:** Nhiều nguồn dữ liệu chuyên sâu như dữ liệu khảo sát hiện trường, dữ liệu đo đạc khoa học, dữ liệu phân tích chuyên môn, bộ dữ liệu do chuyên gia hoặc nhóm nghiên cứu tạo ra... hiện chưa có cơ chế thương mại hóa hợp pháp. Chủ sở hữu không có cách thức để:

+ Chứng minh quyền sở hữu dữ liệu,

+ Bán hoặc cấp phép sử dụng dữ liệu,

+ Bảo vệ quyền lợi khi dữ liệu bị sao chép hoặc khai thác trái phép. Sàn giao dịch dữ liệu sẽ mở ra kênh để các chuyên gia, nhà khoa học niêm yết dữ liệu của mình như một loại “tài sản tri thức”, được pháp lý bảo vệ và có giá trị kinh tế.

- **Cộng đồng sáng tạo số (creator, nhà làm nội dung, nhà phát triển AI, nhóm nguồn mở):** Các cá nhân/nhóm này đang tạo ra lượng dữ liệu đào tạo AI (training data), dữ liệu video – hình ảnh – âm thanh, dữ liệu mô phỏng... nhưng chưa có cơ sở để niêm yết và giao dịch. Sàn dữ liệu giúp chuẩn hóa mô tả dữ liệu, hỗ trợ xác thực nguồn gốc, đóng góp vào hệ sinh thái AI mở và AI đô thị.

- **Tổ chức xã hội, hiệp hội nghề nghiệp, cộng đồng phi lợi nhuận:** Nhiều tổ chức sở hữu dữ liệu năng lượng, dữ liệu môi trường, dữ liệu cộng đồng... nhưng thiếu nền tảng để chia sẻ theo cấp độ phù hợp (miễn phí – thương mại – chia sẻ hạn chế). Sàn giao dịch sẽ cung cấp công cụ phân quyền, giúp tổ chức chia sẻ dữ liệu đúng đối tượng, đúng mục đích.

V. PHÂN TÍCH MÔ HÌNH SWOT ĐỐI VỚI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Trong quá trình triển khai chuyển đổi số và xây dựng đô thị thông minh, Đà Nẵng đã đạt được nhiều kết quả tích cực về hạ tầng số, nhận thức dữ liệu và hệ sinh thái công nghệ. Tuy nhiên, để hình thành và vận hành một mô hình mới như Sàn giao dịch dữ liệu – nơi yêu cầu tiêu chuẩn cao về quản trị dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin và cơ chế thị trường – Thành phố cũng phải đối mặt với nhiều thách thức đáng kể. Việc nhận diện rõ **thuận lợi và thách thức** là cơ sở quan trọng nhằm đề xuất cơ chế thí điểm phù hợp, khả thi và an toàn

a. Thuận lợi

- **Sự quyết tâm chỉ đạo từ lãnh đạo Thành phố:** Lãnh đạo Thành phố định hướng rõ ràng về chuyển đổi số, kinh tế số và sẵn sàng áp dụng cơ chế thử nghiệm (sandbox), tạo điều kiện để triển khai mô hình mới như Sàn giao dịch dữ liệu.

- **Hạ tầng số tương đối hoàn thiện:** Mạng truyền dẫn, trung tâm dữ liệu, nền tảng LGSP, IOC và nhiều hệ thống số hiện có tạo nền tảng kỹ thuật tốt để kết nối – chia sẻ – tích hợp dữ liệu.

- **Hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ năng động:** Đà Nẵng có khu CNTT tập trung, doanh nghiệp dữ liệu/AI và cộng đồng startup mạnh, nhiều đơn vị sẵn sàng tham gia hợp tác theo mô hình PPP.

- **Nhận thức số hóa của người dân và doanh nghiệp ở mức cao:** Môi trường số của Thành phố thuận lợi cho việc tiếp nhận mô hình mới; người dân và doanh nghiệp quen với giao dịch số, dịch vụ trực tuyến.

- **Nguồn dữ liệu nền đã hình thành qua nhiều năm đầu tư:** Các CSDL dân cư, doanh nghiệp, GIS, giao thông, môi trường, du lịch... có thể được trích xuất hoặc chuyển đổi để phục vụ thí điểm.

- **Hành lang chính sách cấp quốc gia đang dần hoàn thiện:** Chiến lược Dữ liệu quốc gia 2030, Nghị định 180/2025 (PPP dữ liệu), Nghị định 94/2025 (sandbox fintech) tạo môi trường thuận lợi để Đà Nẵng đi đầu về mô hình giao dịch dữ liệu.

b. Thách thức

- **Hành lang pháp lý về giao dịch dữ liệu chưa hoàn chỉnh:** Các nội dung quan trọng như quyền tài sản dữ liệu, định giá dữ liệu, chia sẻ dữ liệu cá nhân, giao dịch dữ liệu tri thức... chưa có hướng dẫn chi tiết, có thể gây vướng mắc trong giai đoạn thí điểm.

- **Tâm lý e ngại chia sẻ dữ liệu của một số cơ quan và doanh nghiệp:** Việc thiếu quy chế nội bộ, cơ chế bảo vệ quyền lợi, trách nhiệm khi chia sẻ dữ liệu khiến một số đơn vị chưa sẵn sàng đưa dữ liệu lên sàn.

- **Rủi ro an ninh mạng và rò rỉ dữ liệu:** Mô hình sàn giao dịch dữ liệu yêu cầu mức độ bảo mật cao; nếu hạ tầng hoặc quy trình chưa đảm bảo, có thể bị tấn công hoặc thất thoát dữ liệu. Cần áp dụng blockchain, mã hóa, phân quyền và giám sát liên tục.

- **Thiếu cơ chế bảo vệ quyền lợi của chủ sở hữu dữ liệu cá nhân và dữ liệu tri thức:** Người dân, nhà nghiên cứu, chuyên gia hiện chưa có công cụ để kiểm soát dữ liệu của mình, cấp phép sử dụng hoặc nhận giá trị kinh tế khi dữ liệu được khai thác.

- **Năng lực chuẩn hóa, làm sạch và mô tả dữ liệu còn hạn chế:** Nhiều CSDL thiếu metadata, không đồng nhất định dạng, ảnh hưởng lớn đến khả năng niêm yết và giao dịch dữ liệu.

- **Thiếu nhân lực chuyên trách về kinh tế dữ liệu – pháp lý dữ liệu – quản trị dữ liệu:** Để vận hành sàn giao dịch dữ liệu, cần đội ngũ chuyên sâu về định giá dữ liệu, đánh giá rủi ro, đánh giá chất lượng dữ liệu, an ninh mạng... trong khi lực lượng này còn rất hạn chế.

- ***Nguồn lực tài chính và nhân lực của Thành phố còn hạn chế:*** Sàn giao dịch dữ liệu là mô hình công nghệ phức tạp, yêu cầu đầu tư ban đầu và chi phí vận hành lớn, trong khi ngân sách địa phương còn nhiều ưu tiên khác.

Nhìn chung, nhu cầu và tiềm năng khai thác dữ liệu ở Đà Nẵng là rất lớn; các thuận lợi về hạ tầng, nhận thức và hệ sinh thái tạo nền tảng tốt cho việc triển khai thí điểm. Tuy nhiên, các thách thức về pháp lý, bảo mật, chuẩn hóa và nguồn lực cần được xử lý thông qua cơ chế thí điểm – PPP – sandbox, nhằm giảm rủi ro, kiểm soát từng bước và tạo điều kiện để Đà Nẵng tiên phong phát triển mô hình sàn giao dịch dữ liệu đầu tiên của cả nước.

PHẦN B. NỘI DUNG ĐỀ ÁN CHUYÊN ĐỒ SỐ

I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và triển khai thí điểm Sàn dữ liệu Đà Nẵng với phạm vi và quy mô phù hợp nhằm hình thành môi trường chia sẻ, khai thác, cung cấp và giao dịch dữ liệu an toàn, minh bạch, hiệu quả; thúc đẩy phát triển kinh tế số, đổi mới sáng tạo, nâng cao hiệu quả quản trị và khai thác giá trị dữ liệu của thành phố. Thông qua quá trình thí điểm, đánh giá bước đầu về tính khả thi, hiệu quả vận hành, nhu cầu tham gia của các bên liên quan và các cơ chế quản lý, khai thác dữ liệu, làm cơ sở thực tiễn để hoàn thiện mô hình sàn dữ liệu cấp địa phương, từng bước kết nối, tham gia Sàn dữ liệu quốc gia và xem xét mở rộng trong giai đoạn tiếp theo.

2. Mục tiêu cụ thể

- Thứ nhất, xây dựng và đưa vào vận hành một nền tảng Sàn giao dịch dữ liệu hoàn chỉnh, tích hợp đầy đủ các thành phần kỹ thuật hiện đại như kho dữ liệu, danh mục dữ liệu, quản trị dữ liệu, cổng chia sẻ dữ liệu (API) và cổng giao dịch dữ liệu. Nền tảng bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu an toàn, có kiểm soát, đồng thời ứng dụng công nghệ mới như blockchain để định danh, truy xuất nguồn gốc và ghi nhận giao dịch dữ liệu minh bạch.

- Thứ hai, thiết lập được cơ chế vận hành sàn dữ liệu theo mô hình sandbox, bao gồm hệ thống quy trình đầy đủ từ onboarding, thẩm định, xác thực, định giá, đấu giá đến khai thác dữ liệu; đồng thời ban hành các quy chế quản lý, hợp đồng mẫu, cơ chế định giá và kiểm soát giao dịch dữ liệu, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật và có thể nhân rộng trong thực tiễn.

- Thứ ba, hình thành thị trường dữ liệu bước đầu tại Đà Nẵng với các chỉ tiêu cụ thể: triển khai giao dịch dữ liệu trong tối thiểu 3–4 lĩnh vực trọng điểm; niêm yết khoảng 20 bộ dữ liệu (trong đó có cả dữ liệu mở và dữ liệu thương mại); thu hút tối thiểu 10 đơn vị cung cấp và 20 đơn vị khai thác dữ liệu tham gia, qua đó kiểm chứng nhu cầu thị trường và khả năng thương mại hóa dữ liệu.

- Thứ tư, bảo đảm toàn bộ hoạt động giao dịch dữ liệu trên sàn được kiểm soát an toàn, tuân thủ pháp luật, đặc biệt là các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân và an ninh mạng; 100% giao dịch được ghi nhận, truy xuất và kiểm toán, tạo nền tảng xây dựng niềm tin cho thị trường dữ liệu.

- Thứ năm, đánh giá toàn diện hiệu quả vận hành của sàn dữ liệu sau giai đoạn thí điểm, bao gồm hiệu quả kỹ thuật, hiệu quả kinh tế – xã hội và tính phù hợp

của cơ chế chính sách; trên cơ sở đó đề xuất hoàn thiện mô hình, cơ chế và kiến nghị triển khai chính thức ở quy mô lớn hơn..

II. PHẠM VI THÍ ĐIỂM CỦA ĐỀ ÁN

1. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện thí điểm là 24 tháng kể từ ngày Đề án được phê duyệt và hoàn thành các điều kiện kỹ thuật, pháp lý cần thiết để đưa Sàn dữ liệu vào vận hành.

Trong thời gian thí điểm, tổ chức triển khai từng bước, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện, hiệu quả khai thác, tính phù hợp của mô hình quản trị, cơ chế vận hành, cơ chế giao dịch dữ liệu và mức độ tuân thủ các quy định pháp luật liên quan để làm cơ sở hoàn thiện mô hình và đề xuất mở rộng trong giai đoạn tiếp theo.

2. Phạm vi dữ liệu

Sàn dữ liệu tiếp nhận, quản lý, công bố và hỗ trợ giao dịch đối với các nhóm dữ liệu đáp ứng điều kiện pháp luật, bao gồm:

a) Dữ liệu do cơ quan nhà nước cung cấp theo quy định về chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu; dữ liệu mở; dữ liệu dùng chung; các bộ dữ liệu được phép khai thác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

b) Dữ liệu thuộc quyền quản lý, sở hữu hoặc quyền khai thác hợp pháp của doanh nghiệp, tổ chức tham gia Sàn dữ liệu.

c) Các sản phẩm dữ liệu đã qua xử lý, tổng hợp, phân tích, chuẩn hóa, làm giàu dữ liệu hoặc được hình thành từ quá trình khai thác dữ liệu hợp pháp.

d) Các dịch vụ dữ liệu, giao diện lập trình ứng dụng (API), mô hình phân tích dữ liệu, mô hình trí tuệ nhân tạo, báo cáo phân tích, chỉ số dữ liệu và các sản phẩm số khác được hình thành từ dữ liệu.

Sàn dữ liệu được xây dựng nhằm tạo môi trường đăng ký, công bố và giao dịch các sản phẩm dữ liệu, dịch vụ dữ liệu hợp pháp, phục vụ chủ yếu cho nhu cầu trao đổi, mua bán, khai thác dữ liệu giữa doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân. Nhà nước tham gia với vai trò dẫn dắt, kích cầu và tạo lập thị trường dữ liệu, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế dữ liệu. Các dữ liệu cá nhân, dữ liệu bí mật nhà nước và các loại dữ liệu không đủ điều kiện giao dịch theo quy định pháp luật không thuộc phạm vi giao dịch của Sàn dữ liệu.

Không đưa vào phạm vi thí điểm các dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước, dữ liệu bị pháp luật cấm giao dịch, cấm chuyển giao hoặc các loại dữ liệu không đáp ứng điều kiện chia sẻ, khai thác theo quy định pháp luật.

3. Quy mô thí điểm

Việc thí điểm được thực hiện theo nguyên tắc kiểm soát quy mô để đánh giá hiệu quả vận hành trước khi mở rộng, cụ thể:

- Lựa chọn một số nhóm dữ liệu có nhu cầu khai thác cao, giá trị sử dụng lớn và khả năng chuẩn hóa tốt để triển khai trước.
- Giới hạn số lượng tổ chức tham gia trong giai đoạn đầu nhằm bảo đảm khả năng kiểm soát, đánh giá và hoàn thiện quy trình vận hành.
- Kiểm soát khối lượng dữ liệu, số lượng sản phẩm dữ liệu được niêm yết và số lượng giao dịch phát sinh phù hợp với năng lực hạ tầng kỹ thuật trong từng giai đoạn.
- Thực hiện đánh giá định kỳ để xem xét mở rộng phạm vi dữ liệu, số lượng thành viên và quy mô giao dịch.

UBND thành phố hoặc cơ quan được giao quản lý Đề án quyết định quy mô triển khai từng giai đoạn trên cơ sở năng lực hạ tầng, yêu cầu quản lý và kết quả thực hiện thực tế.

4. Nguyên tắc thí điểm

a) Tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về dữ liệu, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, sở hữu trí tuệ và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Chỉ thực hiện giao dịch đối với dữ liệu có nguồn gốc rõ ràng, được xác lập quyền khai thác, quyền sử dụng hoặc quyền cung cấp hợp pháp.

c) Bảo đảm minh bạch, công khai về nguồn gốc, phạm vi khai thác, điều kiện sử dụng, trách nhiệm và quyền lợi của các bên tham gia giao dịch.

d) Bảo đảm khả năng truy vết, ghi nhận và lưu trữ đầy đủ lịch sử giao dịch, khai thác và sử dụng dữ liệu.

đ) Bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu trong toàn bộ vòng đời từ đăng ký, lưu trữ, chia sẻ, giao dịch đến khai thác sử dụng.

e) Triển khai theo lộ trình phù hợp với năng lực kỹ thuật, năng lực quản lý và mức độ sẵn sàng của các bên tham gia; thường xuyên đánh giá, hoàn thiện mô hình trong quá trình thí điểm.

g) Khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân, các doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và các tổ chức nghiên cứu nhằm thúc đẩy phát triển hệ sinh thái kinh tế dữ liệu và thị trường dữ liệu trên địa bàn thành phố.

h) Không giao dịch dữ liệu nhân, dữ liệu mật theo quy định.

i) Sàn dữ liệu chủ yếu thực hiện giao dịch, cấp quyền khai thác và sử dụng dữ liệu thông qua các giao diện kết nối (API), nhằm tạo ra giá trị gia tăng từ dữ liệu. Việc giao dịch không làm chuyển giao quyền sở hữu dữ liệu, không sao chép hoặc chuyển giao dữ liệu gốc, mà chỉ cho phép bên được cấp quyền truy cập, khai thác dữ liệu theo phạm vi, mục đích và thời hạn được thỏa thuận.

5. Đối tượng tham gia

- Các cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố.
- Các doanh nghiệp, tổ chức sở hữu hoặc có quyền khai thác hợp pháp đối với dữ liệu.
- Các đơn vị nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học và công nghệ có dữ liệu hoặc sản phẩm dữ liệu đủ điều kiện tham gia.
- Doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, tài chính, thương mại, logistics, du lịch, sản xuất, dịch vụ và các lĩnh vực khác có nhu cầu khai thác dữ liệu.
- Đơn vị được giao vận hành Sàn dữ liệu là đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước, đáp ứng điều kiện và được cấp phép thành lập theo quy định của pháp luật.
- Các tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực, định danh, thanh toán, lưu ký, kiểm định, tư vấn, định giá, bảo đảm an toàn thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác theo quy định.

III. MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG

1. Nguyên tắc hoạt động

Sàn dữ liệu hoạt động theo nguyên tắc công khai, minh bạch, an toàn, tuân thủ pháp luật và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên tham gia. Mọi dữ liệu đưa lên sàn phải được xác định rõ chủ thể sở hữu, chủ thể quản lý, nguồn gốc hình thành, phạm vi sử dụng và điều kiện khai thác.

Việc chia sẻ, cung cấp và khai thác dữ liệu được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận giữa các bên hoặc theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; bảo đảm không làm ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh, quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân.

Dữ liệu tham gia giao dịch phải được chuẩn hóa, gắn định danh, phân loại và mô tả đầy đủ thông tin (metadata) trước khi công bố trên sàn; bảo đảm khả năng tra cứu, đánh giá chất lượng và truy xuất nguồn gốc trong toàn bộ vòng đời dữ liệu.

Các hoạt động đăng ký, công bố, tìm kiếm, khai thác, chia sẻ và giao dịch dữ liệu được thực hiện trên môi trường số; toàn bộ quá trình giao dịch được ghi nhận,

lưu vết và kiểm soát nhằm bảo đảm tính minh bạch, khả năng kiểm tra, giám sát và giải quyết tranh chấp khi cần thiết.

Sàn dữ liệu không làm thay đổi quyền sở hữu dữ liệu của các chủ thể tham gia; việc chuyển giao quyền khai thác, sử dụng dữ liệu được thực hiện theo các điều kiện, phạm vi và thời hạn được các bên thống nhất.

2. Mô hình quản trị

Mô hình quản trị Sàn dữ liệu được tổ chức theo cơ chế nhiều bên tham gia, gồm cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị vận hành sàn và các tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp hoặc khai thác dữ liệu.

Cơ quan quản lý nhà nước thực hiện chức năng quản lý, định hướng phát triển, ban hành các quy định vận hành, tiêu chuẩn kỹ thuật, cơ chế quản lý dữ liệu và giám sát hoạt động của sàn; bảo đảm hoạt động của sàn phù hợp với quy định pháp luật và chiến lược phát triển dữ liệu của thành phố.

Đơn vị vận hành sàn chịu trách nhiệm tổ chức vận hành hệ thống kỹ thuật; quản lý tài khoản thành viên; tiếp nhận, kiểm tra, chuẩn hóa và công bố dữ liệu; cung cấp các dịch vụ hỗ trợ giao dịch; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và duy trì hoạt động liên tục của nền tảng.

Các tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước và cá nhân tham gia thực hiện việc đăng ký, cung cấp, khai thác hoặc sử dụng dữ liệu theo quy định; chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, tính chính xác và quyền cung cấp dữ liệu của mình.

Mô hình quản trị được thiết kế theo hướng mở, cho phép mở rộng quy mô dữ liệu, số lượng thành viên, dịch vụ và lĩnh vực tham gia; đồng thời bảo đảm khả năng kết nối, liên thông với các nền tảng dữ liệu, cơ sở dữ liệu và hệ sinh thái số của thành phố trong tương lai.

3. Vai trò các bên tham gia

a) Cơ quan quản lý nhà nước

- Ban hành cơ chế, quy định và hướng dẫn hoạt động của sàn.
- Tổ chức giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động.
- Điều phối việc tham gia của các cơ quan nhà nước và các đơn vị liên quan.
- Hỗ trợ tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai.

b) Đơn vị vận hành sàn

- Xây dựng, quản lý và vận hành hạ tầng kỹ thuật của sàn.
- Tiếp nhận, chuẩn hóa, định danh và công bố dữ liệu.

- Quản lý tài khoản, quyền truy cập và hồ sơ thành viên.
- Cung cấp các công cụ tìm kiếm, tra cứu, giao dịch và thanh toán.
- Theo dõi, ghi nhận, lưu trữ nhật ký giao dịch và hỗ trợ giải quyết tranh chấp.
- Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và tính liên tục của dịch vụ.

c) Bên cung cấp dữ liệu

- Đăng ký tham gia sàn và công bố danh mục dữ liệu.
- Cung cấp thông tin mô tả dữ liệu, điều kiện khai thác và phạm vi sử dụng.
- Chịu trách nhiệm về quyền sở hữu, quyền quản lý và tính hợp pháp của dữ liệu cung cấp.
- Cập nhật dữ liệu theo cam kết về chất lượng và thời gian cung cấp.

d) Bên sử dụng dữ liệu

- Tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn dữ liệu phù hợp nhu cầu.
- Thực hiện khai thác dữ liệu theo các điều kiện được cấp phép.
- Thanh toán và sử dụng dữ liệu đúng mục đích, phạm vi đã thỏa thuận.
- Tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu, bảo mật thông tin và quyền sở hữu trí tuệ.

đ) Các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ

- Cung cấp các dịch vụ xác thực, định danh, lưu trữ, bảo mật, phân tích dữ liệu, tư vấn pháp lý, định giá dữ liệu và các dịch vụ hỗ trợ khác.
- Hỗ trợ nâng cao chất lượng dữ liệu và hiệu quả khai thác dữ liệu trên sàn.

4. Các dịch vụ cung cấp trên sàn

Sàn dữ liệu cung cấp các nhóm dịch vụ chính sau:

a) Dịch vụ đăng ký và công bố dữ liệu

- Đăng ký tài khoản thành viên.
- Khai báo danh mục dữ liệu.
- Chuẩn hóa, phân loại và công bố dữ liệu.
- Quản lý thông tin mô tả dữ liệu (metadata).

b) Dịch vụ định danh và truy xuất nguồn gốc dữ liệu

- Gắn định danh dữ liệu.
- Xác thực chủ thể sở hữu hoặc cung cấp dữ liệu.
- Quản lý lịch sử hình thành, cập nhật và khai thác dữ liệu.
- Truy xuất nguồn gốc và quá trình sử dụng dữ liệu.

c) Dịch vụ tìm kiếm và kết nối cung – cầu dữ liệu

- Tìm kiếm dữ liệu theo lĩnh vực, chủ đề, phạm vi và điều kiện sử dụng.
- Gợi ý dữ liệu phù hợp nhu cầu khai thác.
- Kết nối giữa bên cung cấp và bên sử dụng dữ liệu.

d) Dịch vụ chia sẻ và giao dịch dữ liệu

- Chia sẻ dữ liệu theo cơ chế được cấp phép.
- Thiết lập và quản lý các thỏa thuận khai thác dữ liệu.
- Quản lý quá trình cung cấp, tiếp nhận và sử dụng dữ liệu.
- Ghi nhận, lưu vết và theo dõi toàn bộ giao dịch.

đ) Dịch vụ định giá dữ liệu

- Hỗ trợ xác định giá trị dữ liệu.
- Cung cấp công cụ tham chiếu giá và đánh giá chất lượng dữ liệu.
- Hỗ trợ các bên xây dựng phương án khai thác và thương mại hóa dữ liệu.

e) Dịch vụ thanh toán và đối soát giao dịch

- Quản lý các khoản thanh toán phát sinh từ giao dịch dữ liệu.
- Đối soát và thống kê giao dịch.
- Cung cấp báo cáo phục vụ quản lý và kiểm toán.

g) Dịch vụ phân tích, khai thác và phát triển dữ liệu

- Cung cấp công cụ phân tích dữ liệu.
- Hỗ trợ xây dựng mô hình dữ liệu, báo cáo và dashboard.
- Hỗ trợ tích hợp dữ liệu với các hệ thống thông tin, nền tảng số và ứng dụng của tổ chức, doanh nghiệp.

h) Dịch vụ quản lý, giám sát và hỗ trợ vận hành

- Quản lý thành viên và quyền truy cập.
- Giám sát hoạt động giao dịch.
- Cảnh báo rủi ro, vi phạm và bất thường.
- Hỗ trợ kỹ thuật, chăm sóc khách hàng và giải quyết khiếu nại, tranh chấp.

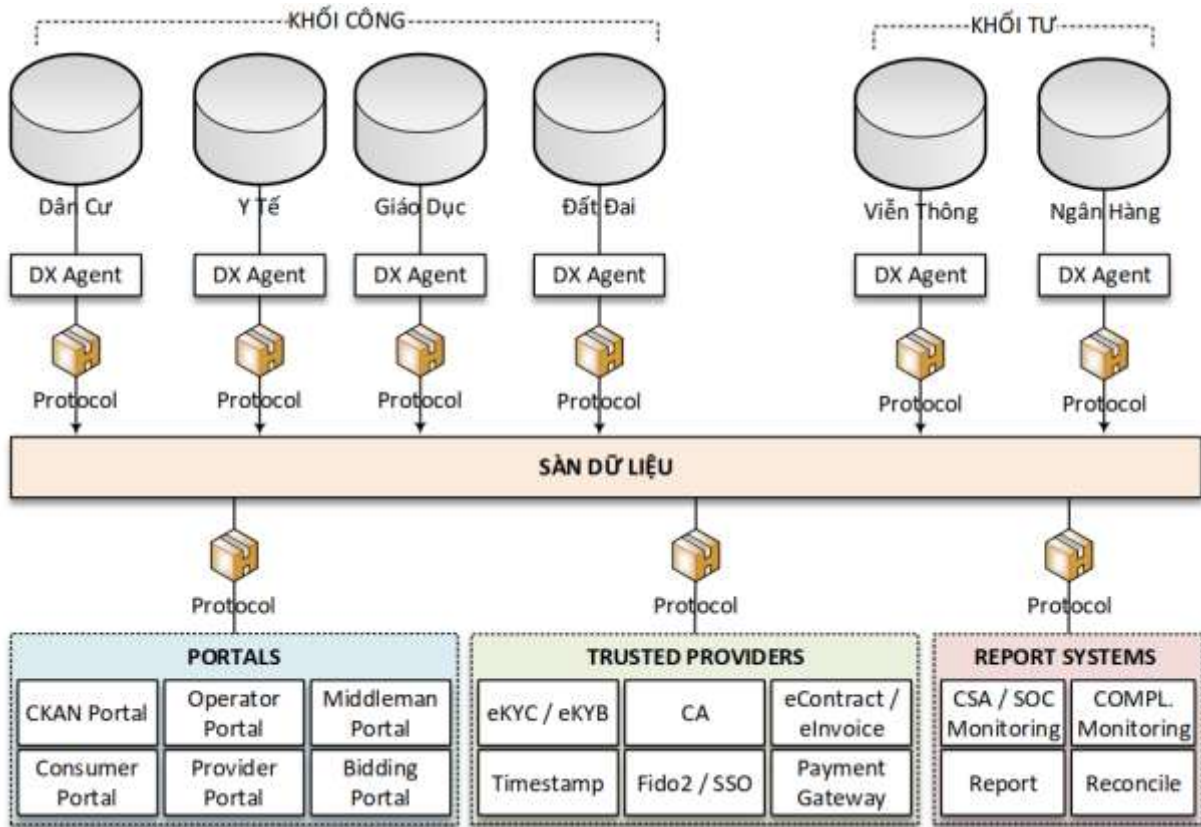
IV. KIẾN TRÚC KỸ THUẬT

1. Kiến trúc tổng thể

Sàn dữ liệu Thành phố Đà Nẵng được xây dựng theo mô hình nền tảng số tập trung, kiến trúc mở, bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ và giao dịch dữ liệu giữa cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân. Hệ thống được thiết kế theo nguyên tắc mô-đun hóa, dễ dàng mở rộng, tích hợp với các cơ sở dữ liệu, nền tảng

số và hệ thống thông tin hiện có của thành phố, bộ, ngành Trung ương và các tổ chức liên quan.

Sơ đồ tổng thể:



Kiến trúc tổng thể của hệ thống gồm các lớp chức năng chính:

Lớp nguồn dữ liệu: tiếp nhận dữ liệu từ cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu mở, dữ liệu IoT, bản sao số và các nguồn dữ liệu hợp pháp khác.

Lớp tích hợp và xử lý dữ liệu: thực hiện kết nối, thu nhận, chuẩn hóa, làm sạch, kiểm tra chất lượng, quản lý siêu dữ liệu, định danh và phân loại dữ liệu trước khi đưa lên sàn.

Lớp nền tảng sàn dữ liệu: cung cấp các chức năng quản lý thành viên, quản lý danh mục dữ liệu, công bố dữ liệu, tìm kiếm, đăng ký giao dịch, định giá, cấp phép khai thác, quản lý hợp đồng và các dịch vụ dữ liệu.

Lớp dịch vụ tin cậy: cung cấp các dịch vụ định danh, xác thực điện tử, chữ ký số, hợp đồng điện tử, thanh toán điện tử, quản lý quyền khai thác dữ liệu và ghi nhận lịch sử giao dịch.

Lớp quản trị, giám sát và an toàn thông tin: thực hiện quản trị vận hành, giám sát giao dịch, thống kê báo cáo, kiểm soát tuân thủ, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu.

Kiến trúc hệ thống bảo đảm đáp ứng yêu cầu về khả năng mở rộng, tính sẵn sàng cao, an toàn, bảo mật, minh bạch trong giao dịch dữ liệu; đồng thời tạo nền tảng để hình thành và phát triển thị trường dữ liệu của thành phố, từng bước kết nối với hệ sinh thái dữ liệu quốc gia.

2. Các phân hệ chức năng

Hệ thống Sàn dữ liệu thành phố Đà Nẵng được xây dựng theo mô hình nền tảng số tập trung, gồm các phân hệ chức năng chính sau:

a) Phân hệ Quản lý thành viên

Thực hiện quản lý toàn bộ tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước và các chủ thể tham gia Sàn dữ liệu; hỗ trợ đăng ký, xác thực, định danh điện tử, quản lý hồ sơ thành viên, phân quyền sử dụng và theo dõi quá trình tham gia giao dịch dữ liệu.

b) Phân hệ Quản lý dữ liệu

Hỗ trợ đăng ký, công bố, cập nhật, chuẩn hóa, phân loại và quản lý vòng đời dữ liệu. Cho phép xây dựng danh mục dữ liệu, mô tả siêu dữ liệu (metadata), quản lý quyền khai thác, điều kiện sử dụng và cơ chế chia sẻ dữ liệu theo quy định.

c) Phân hệ Thẩm định dữ liệu

Hỗ trợ kiểm tra, đánh giá tính hợp pháp, nguồn gốc, chất lượng, tính đầy đủ, độ tin cậy và khả năng khai thác của dữ liệu trước khi đưa lên Sàn; hỗ trợ quy trình phê duyệt, từ chối hoặc yêu cầu bổ sung thông tin đối với các bộ dữ liệu đăng ký giao dịch.

d) Phân hệ Định giá dữ liệu

Hỗ trợ xác định giá trị dữ liệu trên cơ sở các tiêu chí như chất lượng, độ mới, phạm vi sử dụng, nhu cầu thị trường và các yếu tố kinh tế - kỹ thuật liên quan; hỗ trợ đề xuất giá tham khảo, quản lý lịch sử định giá và công khai thông tin giá trị dữ liệu theo quy định.

đ) Phân hệ Giao dịch dữ liệu

Là phân hệ trung tâm của Sàn dữ liệu, hỗ trợ tìm kiếm, giới thiệu, đặt mua, đặt sử dụng, chia sẻ và chuyển giao quyền khai thác dữ liệu; quản lý hợp đồng điện tử, thỏa thuận sử dụng dữ liệu và toàn bộ quá trình giao dịch giữa các bên tham gia.

e) Phân hệ Thanh toán điện tử

Hỗ trợ tích hợp với các nền tảng thanh toán điện tử hợp pháp để thực hiện thanh toán, đối soát, quản lý doanh thu, chi phí và các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ hoạt động giao dịch dữ liệu theo quy định của pháp luật.

g) Phân hệ Nhật ký và truy vết giao dịch

Ghi nhận toàn bộ quá trình đăng ký, cập nhật, khai thác, giao dịch và sử dụng dữ liệu; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc dữ liệu, kiểm tra lịch sử giao dịch, phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra và giải quyết tranh chấp khi cần thiết.

h) Phân hệ Báo cáo, thống kê

Cung cấp các công cụ tổng hợp, phân tích và trực quan hóa dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành; thống kê số lượng thành viên, bộ dữ liệu, giao dịch, doanh thu, mức độ khai thác và các chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động của Sàn dữ liệu.

k) Các phân hệ khác theo nhu cầu.

3. Hạ tầng kỹ thuật

Hệ thống Sàn dữ liệu được triển khai trên hạ tầng công nghệ thông tin của thành phố, bảo đảm khả năng mở rộng, vận hành ổn định và đáp ứng nhu cầu khai thác dữ liệu quy mô lớn.

a) Trung tâm dữ liệu

Hệ thống được đặt tại Trung tâm dữ liệu thành phố Đà Nẵng hoặc hạ tầng công nghệ thông tin được cơ quan có thẩm quyền cho phép sử dụng, bảo đảm điều kiện về vận hành liên tục, an toàn, an ninh thông tin và kết nối liên thông với các hệ thống thông tin của thành phố.

b) Nền tảng điện toán đám mây

Áp dụng mô hình điện toán đám mây để cung cấp tài nguyên tính toán linh hoạt, đáp ứng nhu cầu mở rộng theo lưu lượng khai thác và giao dịch thực tế; hỗ trợ triển khai các dịch vụ theo kiến trúc hiện đại, bảo đảm khả năng tích hợp và mở rộng trong tương lai.

c) Hệ thống lưu trữ

Sử dụng hệ thống lưu trữ tập trung, có khả năng quản lý khối lượng lớn dữ liệu cấu trúc và phi cấu trúc; bảo đảm tính toàn vẹn, khả năng truy xuất nhanh và đáp ứng yêu cầu lưu trữ dài hạn đối với dữ liệu giao dịch.

d) Hệ thống sao lưu

Triển khai cơ chế sao lưu dữ liệu định kỳ, lưu trữ bản sao tại vị trí độc lập với hệ thống vận hành chính; bảo đảm khả năng phục hồi dữ liệu khi xảy ra sự cố kỹ thuật hoặc thảm họa.

Toàn bộ hạ tầng kỹ thuật phải đáp ứng các yêu cầu về quản lý, vận hành, giám sát, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. An toàn thông tin

Hệ thống Sàn dữ liệu được thiết kế và vận hành theo nguyên tắc an toàn thông tin ngay từ khâu thiết kế, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu và giao dịch điện tử.

Các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin gồm:

- Phân loại và xác định cấp độ hệ thống thông tin theo quy định;
- Triển khai cơ chế xác thực, phân quyền và kiểm soát truy cập đối với người dùng và các hệ thống kết nối;
- Mã hóa dữ liệu trong quá trình lưu trữ và truyền nhận;
- Giám sát, ghi nhật ký, phát hiện và cảnh báo các hành vi truy cập bất thường;
- Thực hiện đánh giá, kiểm tra, rà soát an toàn thông tin định kỳ;
- Triển khai các giải pháp phòng, chống tấn công mạng, phần mềm độc hại và các nguy cơ mất an toàn thông tin;
- Bảo đảm khả năng truy xuất nguồn gốc và kiểm chứng lịch sử giao dịch dữ liệu;
- Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu theo nguyên tắc an toàn, có kiểm soát và đúng thẩm quyền.

Trong quá trình triển khai, hệ thống phải được thẩm định, kiểm tra và đáp ứng các yêu cầu về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành chính thức.

5. Phương án dự phòng và khắc phục thảm họa

Hệ thống được xây dựng phương án dự phòng nhằm bảo đảm tính liên tục của hoạt động cung cấp dịch vụ và giảm thiểu ảnh hưởng khi xảy ra sự cố.

Các nội dung chính gồm:

- Xây dựng cơ chế sao lưu dữ liệu định kỳ và tự động;
- Duy trì hạ tầng dự phòng cho các thành phần quan trọng của hệ thống;

- Thiết lập quy trình phục hồi dữ liệu và khôi phục dịch vụ khi xảy ra sự cố;
- Thực hiện kiểm tra, diễn tập phương án khắc phục sự cố và phục hồi hoạt động định kỳ;
- Bảo đảm khả năng phục hồi dữ liệu, ứng dụng và dịch vụ trong thời gian phù hợp với yêu cầu vận hành của Sàn dữ liệu;
- Xây dựng phương án ứng phó đối với các tình huống thiên tai, mất điện diện rộng, sự cố hạ tầng kỹ thuật, tấn công mạng hoặc các sự cố bất khả kháng khác.

6. Phương án bảo đảm an ninh, trật tự

Trong quá trình triển khai và vận hành Sàn dữ liệu, các cơ quan, đơn vị tham gia có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự theo quy định của pháp luật.

Các nội dung trọng tâm gồm:

- Thực hiện quản lý, giám sát và kiểm soát hoạt động của các tổ chức, cá nhân tham gia Sàn dữ liệu;
- Phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi lợi dụng hoạt động giao dịch dữ liệu để vi phạm pháp luật;
- Phối hợp với cơ quan công an và các cơ quan chức năng trong công tác bảo vệ an ninh mạng, an ninh dữ liệu và phòng, chống tội phạm công nghệ cao;
- Bảo đảm việc khai thác, chia sẻ và giao dịch dữ liệu không ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, bí mật nhà nước và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;
- Xây dựng quy trình phối hợp xử lý sự cố, tranh chấp và các tình huống ảnh hưởng đến an ninh, trật tự phát sinh trong quá trình vận hành Sàn dữ liệu.

Nội dung bảo đảm an ninh, trật tự được thực hiện thường xuyên, liên tục trong suốt quá trình thí điểm và vận hành hệ thống.

V. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban Chỉ đạo và các tổ nghiệp vụ triển khai Đề án

Thành lập Ban Chỉ đạo triển khai Đề án thí điểm Sàn dữ liệu thành phố Đà Nẵng để chỉ đạo, điều phối, giám sát và giải quyết các vấn đề liên ngành trong quá trình triển khai.

Đồng thời thành lập các tổ công tác chuyên môn gồm: Tổ nghiệp vụ dữ liệu, Tổ pháp lý và chính sách, Tổ kỹ thuật và an toàn thông tin, Tổ vận hành và hỗ trợ người dùng nhằm hỗ trợ triển khai các nội dung chuyên môn của Đề án.

2. Tuyên truyền, phổ biến và thu hút các bên tham gia Sàn dữ liệu

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, diễn đàn giới thiệu mô hình Sàn dữ liệu thành phố Đà Nẵng đến các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu, trường đại học và các đơn vị có nhu cầu khai thác dữ liệu.

Triển khai các hoạt động xúc tiến nhằm thu hút các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố và trên phạm vi cả nước đăng ký tham gia cung cấp dữ liệu, niêm yết dữ liệu, cung cấp sản phẩm dữ liệu, đăng ký nhu cầu mua dữ liệu, khai thác dữ liệu hoặc sử dụng các dịch vụ trên Sàn dữ liệu.

Đồng thời khảo sát nhu cầu thị trường, xác định các nhóm dữ liệu có giá trị và khả năng giao dịch để làm cơ sở xây dựng danh mục dữ liệu tham gia thí điểm.

3. Lựa chọn đơn vị tham gia thí điểm

Xây dựng tiêu chí, điều kiện và quy trình lựa chọn các tổ chức tham gia thí điểm bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan và không phân biệt đối xử.

Tổ chức lựa chọn các đơn vị tham gia thí điểm gồm: đơn vị vận hành Sàn dữ liệu, đơn vị cung cấp nền tảng công nghệ, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dữ liệu, các tổ chức có nhu cầu khai thác dữ liệu và các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ.

Việc lựa chọn đơn vị vận hành phải bảo đảm phù hợp với các quy định của pháp luật về dữ liệu và các điều kiện đối với tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu.

4. Khảo sát, đánh giá hiện trạng

Tổ chức khảo sát, đánh giá hiện trạng dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin, nền tảng số, cơ chế quản lý dữ liệu và nhu cầu khai thác dữ liệu của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tham gia thí điểm.

Kết quả khảo sát là cơ sở để xác định phạm vi thí điểm, danh mục dữ liệu, yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu nghiệp vụ và phương án triển khai Sàn dữ liệu.

5. Xây dựng danh mục dữ liệu tham gia thí điểm

Rà soát, lựa chọn và xây dựng danh mục dữ liệu tham gia thí điểm trên cơ sở nhu cầu thực tiễn và khả năng cung cấp dữ liệu của các bên tham gia.

Danh mục dữ liệu bao gồm dữ liệu công khai, dữ liệu dùng chung, dữ liệu thương mại và các sản phẩm dữ liệu được phép giao dịch theo quy định của pháp luật.

Đồng thời xác định rõ nguồn gốc dữ liệu, chủ thể quản lý, quyền khai thác, điều kiện sử dụng và phạm vi chia sẻ đối với từng nhóm dữ liệu.

6. Chuẩn hóa và định danh dữ liệu

Thực hiện chuẩn hóa dữ liệu, xây dựng siêu dữ liệu, từ điển dữ liệu và các tiêu chuẩn kỹ thuật nhằm bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ và giao dịch dữ liệu.

Tiến hành rà soát, làm sạch dữ liệu, loại bỏ dữ liệu trùng lặp, thực hiện định danh dữ liệu, định danh sản phẩm dữ liệu, xác lập nguồn gốc và quyền sở hữu dữ liệu, phục vụ hoạt động quản lý, khai thác và giao dịch trên Sàn dữ liệu.

7. Xây dựng nền tảng kỹ thuật và các quy trình nghiệp vụ

Xây dựng nền tảng kỹ thuật Sàn dữ liệu, bao gồm các phân hệ quản lý thành viên, quản lý dữ liệu, thẩm định dữ liệu, định giá dữ liệu, giao dịch dữ liệu, thanh toán điện tử, hợp đồng điện tử, truy xuất nguồn gốc dữ liệu, nhật ký giao dịch, giám sát vận hành và báo cáo thống kê.

Song song với việc xây dựng nền tảng kỹ thuật, xây dựng và hoàn thiện các quy trình nghiệp vụ phục vụ hoạt động của Sàn dữ liệu, bao gồm:

- + Quy trình đăng ký và quản lý thành viên;
- + Quy trình tiếp nhận, niêm yết và công bố dữ liệu;
- + Quy trình thẩm định dữ liệu;
- + Quy trình định giá dữ liệu;
- + Quy trình giao dịch dữ liệu;
- + Quy trình đấu giá dữ liệu (nếu triển khai);
- + Quy trình thanh toán và đối soát;
- + Quy trình quản lý hợp đồng điện tử;
- + Quy trình cấp quyền khai thác dữ liệu;
- + Quy trình giải quyết khiếu nại, tranh chấp;
- + Quy trình giám sát, kiểm tra và truy vết giao dịch;

+ Quy trình bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

8. Lập Đề án hoạt động Sàn dữ liệu và thực hiện các thủ tục thẩm định, cấp phép theo quy định

Trên cơ sở kết quả xây dựng hệ thống và lựa chọn đơn vị vận hành, đơn vị vận hành Sàn dữ liệu và đơn vị cung cấp nền tảng kỹ thuật có trách nhiệm phối hợp xây dựng Đề án hoạt động Sàn dữ liệu theo quy định của Luật Dữ liệu và Nghị định số 169/2025/NĐ-CP.

Đề án hoạt động phải làm rõ mô hình tổ chức, phương án vận hành, nhân sự, hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin, an ninh mạng, phương án thanh toán, phương án thẩm định dữ liệu, phương án bảo đảm an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, dự phòng thảm họa và các điều kiện khác theo quy định.

Đồng thời thực hiện các thủ tục phân loại, xác định cấp độ hệ thống thông tin; đánh giá an toàn thông tin, đánh giá an ninh mạng; hoàn thiện hồ sơ và thực hiện các thủ tục xin ý kiến, thẩm định, chấp thuận, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động sàn dữ liệu hoặc các thủ tục pháp lý liên quan tại Bộ Công an và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Chỉ đưa hệ thống vào vận hành khi đã hoàn thành các điều kiện pháp lý theo quy định.

9. Tổ chức vận hành thí điểm

Sau khi hoàn thành các thủ tục pháp lý, tổ chức kết nối dữ liệu của các đơn vị tham gia, đưa dữ liệu lên Sàn dữ liệu và triển khai các hoạt động cung cấp, khai thác, chia sẻ và giao dịch dữ liệu theo phạm vi thí điểm được phê duyệt.

Trong quá trình vận hành thực hiện theo dõi, giám sát hệ thống, hỗ trợ người dùng, xử lý các vấn đề phát sinh, bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định, an toàn, liên tục và tuân thủ các quy định của pháp luật.

10. Đánh giá kết quả thí điểm

Tổ chức sơ kết, đánh giá giữa kỳ và tổng kết quá trình thí điểm; đánh giá hiệu quả quản lý nhà nước, hiệu quả kinh tế - xã hội, hiệu quả khai thác và giao dịch dữ liệu, hiệu quả vận hành nền tảng kỹ thuật và mức độ tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp.

Trên cơ sở kết quả thực hiện, đề xuất hoàn thiện mô hình tổ chức, cơ chế quản lý, quy trình nghiệp vụ, giải pháp kỹ thuật và phương án mở rộng triển khai trong giai đoạn tiếp theo.

Cấu trúc này đã phản ánh đầy đủ các góp ý trọng tâm của C12 về lựa chọn đơn vị minh bạch, xác định rõ chủ thể vận hành, lập Đề án hoạt động riêng và xin cấp phép Bộ Công an trước khi vận hành chính thức.

VI. PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ DỮ LIỆU

1. Phân loại dữ liệu

Dữ liệu tham gia giao dịch trên Sàn dữ liệu được phân loại nhằm xác định phạm vi khai thác, phương thức quản lý, điều kiện giao dịch và trách nhiệm của các bên tham gia. Việc phân loại dữ liệu được thực hiện theo các tiêu chí sau:

a) Theo chủ thể sở hữu hoặc quản lý dữ liệu:

- Dữ liệu do cơ quan nhà nước tạo lập và quản lý.
- Dữ liệu do doanh nghiệp, tổ chức tạo lập và sở hữu.
- Dữ liệu do cá nhân sở hữu hoặc được cá nhân cho phép khai thác theo quy định pháp luật.

b) Theo mức độ công khai và khả năng chia sẻ:

Dữ liệu mở.

Dữ liệu chia sẻ có điều kiện.

Dữ liệu hạn chế tiếp cận.

Dữ liệu không được phép giao dịch theo quy định của pháp luật.

c) Theo mức độ nhạy cảm của dữ liệu:

Dữ liệu thông thường.

Dữ liệu quan trọng phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, sản xuất kinh doanh.

Dữ liệu cá nhân.

Dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước hoặc dữ liệu có yêu cầu bảo vệ đặc biệt.

d) Theo hình thức khai thác:

Giao dịch quyền truy cập dữ liệu.

Giao dịch dữ liệu đã được xử lý, tổng hợp, phân tích.

Giao dịch dịch vụ dữ liệu (Data-as-a-Service).

2. Điều kiện tham gia giao dịch

Dữ liệu được phép đưa lên Sàn dữ liệu phải đáp ứng các điều kiện sau:

- + Có nguồn gốc rõ ràng, xác định được chủ sở hữu hoặc chủ thể có quyền cung cấp dữ liệu.
- + Được thu thập, tạo lập, xử lý và lưu trữ theo đúng quy định pháp luật.
- + Không thuộc danh mục bí mật nhà nước hoặc các loại dữ liệu bị cấm chia sẻ, mua bán theo quy định.
- + Được mô tả đầy đủ về nội dung, phạm vi, cấu trúc, chất lượng, tần suất cập nhật và điều kiện sử dụng.
- + Đã được kiểm tra, đánh giá chất lượng dữ liệu và đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của Sàn dữ liệu.
- + Đối với dữ liệu cá nhân hoặc dữ liệu có chứa thông tin cá nhân, phải được xử lý, ẩn danh hóa hoặc có căn cứ pháp lý cho việc chia sẻ, khai thác theo quy định hiện hành.
- + Được cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp cam kết về tính hợp pháp, chính xác và trách nhiệm đối với dữ liệu đưa lên giao dịch.

3. Quy trình thẩm định dữ liệu

Trước khi được niêm yết và giao dịch trên Sàn dữ liệu, dữ liệu phải trải qua quy trình thẩm định nhằm bảo đảm tính hợp pháp, chất lượng và khả năng khai thác.

Quy trình thẩm định gồm các bước:

a) Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký dữ liệu

Chủ sở hữu dữ liệu thực hiện đăng ký thông tin dữ liệu trên hệ thống.

Cung cấp hồ sơ mô tả dữ liệu, tài liệu chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền khai thác dữ liệu.

b) Bước 2. Kiểm tra tính pháp lý

Xác minh nguồn gốc dữ liệu.

Đánh giá quyền sở hữu, quyền sử dụng và quyền cung cấp dữ liệu.

Kiểm tra việc tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, sở hữu trí tuệ và các quy định pháp luật liên quan.

c) Bước 3. Đánh giá chất lượng dữ liệu

Kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, nhất quán và khả năng sử dụng.

Đánh giá mức độ cập nhật, độ tin cậy và khả năng khai thác thực tế.

d) Bước 4. Đánh giá mức độ rủi ro

Xác định mức độ nhạy cảm của dữ liệu.

Đánh giá nguy cơ lộ lọt thông tin, tác động đến an ninh, quyền riêng tư hoặc lợi ích của các bên liên quan.

e) Bước 5. Phê duyệt và niêm yết

Dữ liệu đạt yêu cầu được cấp trạng thái đủ điều kiện giao dịch và công bố trên Sàn dữ liệu.

Dữ liệu không đạt yêu cầu được trả lại kèm theo nội dung cần hoàn thiện.

4. Định giá dữ liệu

Việc định giá dữ liệu được thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo đảm phản ánh giá trị thực tế của dữ liệu và phù hợp với nhu cầu thị trường.

Các phương thức định giá gồm:

- Chủ sở hữu dữ liệu tự xác định giá chào bán.
- Giá được xác lập thông qua thỏa thuận giữa bên mua và bên bán.
- Giá được xác định thông qua tổ chức, đơn vị tư vấn định giá dữ liệu khi cần thiết.
- Giá có thể được hình thành trên cơ sở lịch sử giao dịch, mức độ khan hiếm, chất lượng, phạm vi khai thác, giá trị thương mại và chi phí tạo lập dữ liệu.

Sàn dữ liệu cung cấp các công cụ hỗ trợ định giá, thống kê giao dịch và tham chiếu thị trường để hỗ trợ các bên xác định giá trị dữ liệu.

5. Bảo vệ dữ liệu cá nhân

Việc xử lý và giao dịch dữ liệu có liên quan đến thông tin cá nhân phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Các biện pháp bảo vệ gồm:

- Chỉ cho phép giao dịch dữ liệu cá nhân khi có căn cứ pháp lý phù hợp.
- Áp dụng các biện pháp ẩn danh hóa, mã hóa hoặc tổng hợp dữ liệu trước khi chia sẻ.
- Thực hiện nguyên tắc tối thiểu hóa dữ liệu, chỉ cung cấp các trường thông tin cần thiết cho mục đích khai thác.
- Thiết lập cơ chế quản lý, giám sát và xử lý vi phạm liên quan đến dữ liệu cá nhân.

- Thực hiện lưu vết toàn bộ hoạt động truy cập, khai thác và sử dụng dữ liệu.
- Bảo đảm quyền của chủ thể dữ liệu theo quy định của pháp luật.

6. Quản lý quyền truy cập

Sàn dữ liệu áp dụng cơ chế quản lý truy cập theo vai trò, quyền hạn và phạm vi sử dụng dữ liệu của từng đối tượng.

Các nguyên tắc quản lý gồm:

- Xác thực định danh đối với tất cả tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch.
- Phân quyền truy cập theo từng loại dữ liệu, từng nhóm người dùng và từng mục đích sử dụng.
- Cấp quyền theo nguyên tắc tối thiểu cần thiết.
- Hỗ trợ cơ chế cấp quyền có thời hạn, cấp quyền theo giao dịch hoặc theo hợp đồng khai thác dữ liệu.
- Tự động thu hồi quyền truy cập khi hết thời hạn hoặc khi phát hiện vi phạm.
- Theo dõi, giám sát và cảnh báo các hoạt động truy cập bất thường.

7. Kiểm toán và truy vết dữ liệu

Sàn dữ liệu thực hiện cơ chế ghi nhận, lưu trữ và giám sát toàn bộ vòng đời giao dịch dữ liệu nhằm bảo đảm tính minh bạch, khả năng kiểm tra và xử lý tranh chấp.

Nội dung thực hiện gồm:

- Ghi nhận đầy đủ thông tin về việc đăng ký, thẩm định, niêm yết, giao dịch và khai thác dữ liệu.
- Lưu trữ nhật ký truy cập, tải xuống, chia sẻ và sử dụng dữ liệu.
- Bảo đảm khả năng truy xuất nguồn gốc dữ liệu từ chủ sở hữu đến bên khai thác cuối cùng.
- Cung cấp công cụ kiểm tra, đối soát và báo cáo phục vụ công tác quản lý nhà nước.
- Hỗ trợ phát hiện hành vi truy cập trái phép, sử dụng sai mục đích hoặc vi phạm điều kiện giao dịch.
- Phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tranh chấp và xử lý vi phạm theo quy định pháp luật.

Thông tin nhật ký giao dịch và truy vết được lưu trữ an toàn, bảo đảm tính toàn vẹn, không thể sửa đổi trái phép và đáp ứng yêu cầu kiểm tra, đối chiếu trong suốt thời gian vận hành Sàn dữ liệu.

VII. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

1. Kinh phí thí điểm từ ngân sách nhà nước

Trong giai đoạn thí điểm, ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phục vụ hình thành và vận hành Sàn giao dịch dữ liệu Thành phố Đà Nẵng, nhằm tạo lập hạ tầng, cơ chế và môi trường ban đầu cho thị trường dữ liệu phát triển. Các nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước bao gồm:

- Xây dựng, hoàn thiện các quy trình, quy chế, tiêu chuẩn, tiêu chí phục vụ quản lý, thẩm định, định giá và giao dịch dữ liệu;
- Tuyên truyền, phổ biến, đào tạo, tập huấn, kết nối cung - cầu dữ liệu; hỗ trợ các hoạt động khảo sát, đánh giá, xây dựng thị trường dữ liệu;
- Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thí điểm và các hoạt động cần thiết khác phục vụ triển khai Đề án.

Kinh phí ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ các nội dung mang tính hạ tầng, quản lý nhà nước và tạo lập thị trường ban đầu; không bao cấp hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tham gia vận hành Sàn giao dịch dữ liệu.

Dự toán kinh phí chi tiết được lập, thẩm định, phê duyệt trong quá trình triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các quy định có liên quan, phù hợp với nhu cầu thực tế từng giai đoạn.

2. Nguồn lực doanh nghiệp

Khuyến khích huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, phát triển và vận hành các dịch vụ trên Sàn giao dịch dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Doanh nghiệp được lựa chọn tham gia thí điểm có trách nhiệm:

- Đầu tư, phát triển nền tảng công nghệ, các dịch vụ số và các tiện ích phục vụ giao dịch dữ liệu;
- Bố trí nhân lực, chuyên gia, nguồn lực kỹ thuật để vận hành hệ thống;
- Tham gia hoạt động truyền thông, phát triển hệ sinh thái dữ liệu, mở rộng mạng lưới nhà cung cấp và người sử dụng dữ liệu;
- Chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư, hoạt động kinh doanh và các nghĩa vụ tài chính phát sinh theo quy định của pháp luật.

Doanh nghiệp tham gia thí điểm hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ kế toán, hạch toán, kê khai và nộp thuế đối với các khoản doanh thu phát sinh từ hoạt động cung cấp dịch vụ trên Sàn giao dịch dữ liệu.

Việc Nhà nước đầu tư, hỗ trợ hạ tầng Trung tâm dữ liệu và các điều kiện kỹ thuật dùng chung được xác định là chính sách hỗ trợ ban đầu để hình thành thị trường dữ liệu; không làm phát sinh cơ chế hợp tác công tư (PPP), không bao gồm việc Nhà nước góp vốn hoặc tham gia phân chia lợi nhuận trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Cơ chế khai thác, vận hành sau thí điểm

Sau khi kết thúc giai đoạn thí điểm, căn cứ kết quả đánh giá, hiệu quả hoạt động và nhu cầu phát triển thị trường dữ liệu, Thành phố xem xét phương án tổ chức vận hành chính thức theo hướng xã hội hóa, tự chủ tài chính và phát triển bền vững.

Đơn vị vận hành Sàn giao dịch dữ liệu thực hiện hạch toán độc lập, tự bảo đảm kinh phí hoạt động thông qua các nguồn thu hợp pháp từ việc cung cấp dịch vụ trên Sàn giao dịch dữ liệu, bao gồm:

- Dịch vụ niêm yết và công bố dữ liệu;
- Dịch vụ thẩm định, đánh giá chất lượng và tính pháp lý của dữ liệu;
- Dịch vụ định giá dữ liệu;
- Dịch vụ trung gian giao dịch dữ liệu;
- Dịch vụ khai thác dữ liệu thông qua API, nền tảng dữ liệu và các dịch vụ dữ liệu số;
- Các dịch vụ giá trị gia tăng khác theo quy định của pháp luật.

Thành phố tiếp tục duy trì, quản lý và khai thác hạ tầng dùng chung thuộc sở hữu nhà nước (Trung tâm dữ liệu, hạ tầng kết nối, an toàn thông tin và các nền tảng dùng chung của Thành phố) để hỗ trợ hoạt động của Sàn giao dịch dữ liệu; đồng thời thực hiện chức năng quản lý nhà nước, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ pháp luật trong quá trình vận hành.

Mô hình tài chính sau thí điểm được định hướng theo nguyên tắc: Nhà nước đầu tư và hỗ trợ hạ tầng dùng chung; doanh nghiệp tự chủ hoạt động sản xuất, kinh doanh, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả tài chính, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Nội dung này phù hợp với định hướng hình thành thị trường dữ liệu, bảo đảm vai trò kiến tạo của Nhà nước trong giai đoạn đầu và từng bước chuyển sang cơ chế vận hành theo nguyên tắc thị trường, minh bạch, cạnh tranh và bền vững.

VIII. HIỆU QUẢ KINH TẾ – XÃ HỘI DỰ KIẾN

Việc thí điểm Sàn giao dịch dữ liệu mang lại nhiều lợi ích cho các bên cũng như cho kinh tế – xã hội thành phố. Dưới đây phân tích những hiệu quả kỳ vọng:

1. Đối với doanh nghiệp và kinh tế địa phương:

- **Tiết kiệm chi phí và thời gian tiếp cận dữ liệu:** Trước đây, doanh nghiệp muốn có dữ liệu phải tự thu thập hoặc đàm phán riêng lẻ với từng bên cung cấp, rất tốn kém và mất thời gian. Với sàn giao dịch, doanh nghiệp có thể “*mua dữ liệu như mua hàng online*” nhanh chóng. Điều này rút ngắn thời gian đưa sản phẩm/dịch vụ mới ra thị trường, tạo lợi thế cạnh tranh. Ví dụ, một startup AI tại Đà Nẵng cần dữ liệu giao thông để huấn luyện mô hình; thay vì xin phép từng cơ quan, họ lên sàn mua trong 1 ngày, tiết kiệm hàng tháng công sức.

- **Thúc đẩy ngành công nghiệp dữ liệu và dịch vụ số:** Sàn giao dịch sẽ hình thành thị trường dữ liệu minh bạch, khuyến khích ngày càng nhiều doanh nghiệp tham gia *cung cấp* dữ liệu. Doanh nghiệp nhận ra dữ liệu mình thu thập có thể trở thành nguồn thu mới (data monetization), sẽ đầu tư hơn vào việc thu thập, lưu trữ, làm sạch dữ liệu – từ đó nâng cao năng lực phân tích của chính họ. Một hệ sinh thái các công ty khởi nghiệp về dữ liệu có thể hình thành: cung cấp dịch vụ xử lý, phân tích dữ liệu mua từ sàn rồi bán lại giá trị gia tăng. Theo kinh nghiệm Trung Quốc, các sàn dữ liệu khi hoạt động sôi nổi đã kích thích sự ra đời của nhiều dịch vụ giá trị gia tăng xung quanh dữ liệu [3].

- **Cơ hội kinh doanh mới, đặc biệt trong Fintech:** Đà Nẵng đang hướng tới Trung tâm tài chính, sàn dữ liệu sẽ hỗ trợ mạnh các công ty Fintech, bảo hiểm, ngân hàng trong việc chia sẻ thông tin (điểm tín dụng, đánh giá rủi ro...). NHNN cho biết chia sẻ dữ liệu qua Open API là một nội dung Sandbox Fintech, do đó sàn dữ liệu địa phương sẽ là bước đệm chuẩn bị cho việc này. Doanh nghiệp tài chính có môi trường an toàn để thử chia sẻ dữ liệu (vốn rất nhạy cảm) với bên thứ ba, tạo điều kiện ra đời sản phẩm Fintech mới (ví dụ chấm điểm tín dụng khách hàng liên ngân hàng).

- ***Thu hút đầu tư và nhân lực chất lượng cao:*** Sự hiện diện của một nền tảng công nghệ tiên phong (kết hợp blockchain, dữ liệu) sẽ nâng cao hình ảnh Đà Nẵng như một “phòng thí nghiệm sống” cho công nghệ mới. Các doanh nghiệp công nghệ trong và ngoài nước sẽ quan tâm đầu tư hoặc mở chi nhánh tại Đà Nẵng để tận dụng hệ sinh thái dữ liệu này. Nhân lực CNTT và phân tích dữ liệu cũng bị thu hút về làm việc tại đây. Kết hợp với các ưu đãi của Khu CNTT tập trung Đà Nẵng, thành phố sẽ tiến gần mục tiêu trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo.

- ***Đóng góp kinh tế số trong GRDP:*** Mặc dù thí điểm chưa nhấn mạnh doanh thu, nhưng về dài hạn, một thị trường dữ liệu hoạt động hoàn chỉnh có thể đóng góp đáng kể vào quy mô kinh tế số thành phố. Dữ liệu trở thành hàng hóa, dịch vụ – được tính vào GDP (tương tự ngành thông tin, viễn thông). Theo dự báo, kinh tế dữ liệu có thể chiếm vài phần trăm GDP trong giai đoạn tới ở các nước tiên tiến [3]. Đối với Đà Nẵng, nếu đi đầu, thành phố có thể sớm hiện thực hóa mục tiêu kinh tế số chiếm >25% GRDP trước năm 2030.

2. Đối với chính quyền và quản lý nhà nước:

- ***Hiệu quả trong điều hành và ra quyết định:*** Khi dữ liệu từ các sở ngành được đưa lên sàn (dù nội bộ hay công khai), lãnh đạo thành phố có cái nhìn tập trung hơn, dễ dàng truy cập thông tin liên ngành. Các báo cáo, phân tích liên tục từ các giao dịch trên sàn sẽ cho biết nhu cầu thị trường, giúp chính quyền định hướng chính sách tốt hơn. Ví dụ, nếu dữ liệu du lịch được mua nhiều, thành phố có thể đầu tư thêm vào thu thập dữ liệu du lịch chi tiết hơn để phục vụ doanh nghiệp.

- ***Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu nội bộ:*** Sàn thí điểm tạo ra cú hích thúc đẩy các đơn vị địa phương hoàn thiện dữ liệu, tuân thủ chuẩn kết nối quốc gia. Khi đã chia sẻ được dữ liệu ra bên ngoài, càng không có lý do cản trở chia sẻ nội bộ giữa các cơ quan. Điều này hỗ trợ thực hiện các mục tiêu của Đề án 06 (liên thông thủ tục, cắt giảm giấy tờ [6]) và các chương trình chuyển đổi số của thành phố.

- ***Minh bạch hóa và cung cấp dịch vụ công mới:*** Một số dữ liệu mở trên sàn có thể phục vụ người dân, nâng cao tính minh bạch của chính quyền. Chẳng hạn, dữ liệu về chất lượng môi trường, về quy hoạch đô thị... người dân có thể truy cập miễn phí qua sàn thay vì phải làm đơn yêu cầu. Thậm chí, thành phố có thể cung cấp dịch vụ công về dữ liệu: như dịch vụ cung cấp dữ liệu theo yêu cầu có phí (thay

cho việc cung cấp theo công văn thủ công). Điều này vừa thu phí theo quy định, vừa phục vụ người dân tốt hơn, đúng tinh thần chính quyền số phục vụ.

- ***Nguồn thu ngân sách mới (trong tương lai):*** Nếu sản hoạt động chính thức và có thu phí, thành phố có thể thu ngân sách từ: phí giao dịch, thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh dữ liệu. Tuy giai đoạn thí điểm chưa đáng kể, nhưng về lâu dài đây là một cấu phần của **kinh tế số địa phương** tạo nguồn thu ổn định. Trường hợp thành phố góp vốn (PPP) vào doanh nghiệp vận hành sản, còn có thể thu lợi nhuận cổ tức.

- ***Nâng cao uy tín quản trị của thành phố:*** Việc tiên phong xây dựng sản giao dịch dữ liệu sử dụng công nghệ hiện đại sẽ giúp Đà Nẵng giữ vững vị trí top đầu cả nước về chuyển đổi số, chính quyền số. Thành phố có thể chia sẻ kinh nghiệm này cho các địa phương khác, khẳng định vai trò trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia tại khu vực miền Trung. Điều này phù hợp Nghị quyết 57-NQ/TW khi nhấn mạnh các địa phương cần đột phá sáng tạo, tránh tư duy “cầm đoán cái chưa quản được”.

3. Đối với cộng đồng và xã hội:

- ***Thúc đẩy minh bạch thông tin, nâng cao tri thức xã hội:*** Dữ liệu được lưu thông dễ dàng hơn giúp xã hội tiếp cận thông tin chính xác, kịp thời. Các trường đại học, viện nghiên cứu có thêm nguồn dữ liệu phong phú cho nghiên cứu khoa học, đào tạo sinh viên. Sinh viên, lập trình viên có thể dùng dữ liệu mở trên sản để phát triển ứng dụng hữu ích cho cộng đồng (ví dụ app cảnh báo ùn tắc dựa trên dữ liệu giao thông). Sự mở rộng tri thức này tạo nên một xã hội số năng động, người dân được hưởng lợi gián tiếp từ các dịch vụ dữ liệu (như giao thông thông minh, du lịch thông minh...).

- ***Bảo vệ quyền lợi người dân về dữ liệu cá nhân:*** Mặc dù nghe có vẻ ngược, nhưng việc hình thành thị trường dữ liệu chính thống sẽ giúp quản lý chặt chẽ hơn việc mua bán dữ liệu cá nhân vốn đang diễn ra “ngầm” hiện nay. Trong sandbox, chúng ta đặt ưu tiên cao cho việc tuân thủ bảo vệ dữ liệu cá nhân, có cơ chế giám sát. Nếu thí điểm thành công, sẽ kiến nghị pháp luật quy định rõ dữ liệu cá nhân chỉ được giao dịch qua các sản được cấp phép với sự đồng ý chủ thể. Như vậy, người dân sẽ an tâm hơn, tránh tình trạng dữ liệu của họ bị mua bán trôi nổi. Đồng thời, nếu họ muốn chia sẻ dữ liệu (ví dụ dữ liệu do chính họ tạo ra), họ cũng

có thể được hưởng lợi (concept *data ownership* – cá nhân sở hữu dữ liệu mình và bán nếu muốn, tương lai có thể xem xét).

- **Hiệu ứng xã hội tích cực về đổi mới sáng tạo:** Sàn giao dịch dữ liệu là một ý tưởng mới mẻ, việc thí điểm thành công sẽ tạo cảm hứng cho các sáng kiến chuyên đổi số khác. Cộng đồng startup và doanh nghiệp sẽ thấy chính quyền sẵn sàng hỗ trợ sandbox cho ý tưởng mới, từ đó khuyến khích họ mạnh dạn đề xuất các dự án sáng tạo khác (AI, IoT, chuỗi khối trong quản trị...).

- **Giảm nguy cơ độc quyền dữ liệu:** Khi chưa có thị trường, ai nắm dữ liệu lớn sẽ có lợi thế độc quyền, thậm chí lạm dụng (ví dụ doanh nghiệp A giữ kho dữ liệu giao thông có thể thao túng dịch vụ). Sàn dữ liệu tạo sân chơi bình đẳng, mọi bên có thể tiếp cận dữ liệu nếu đủ điều kiện và trả phí. Điều này giảm nguy cơ độc quyền, “*dân chủ hóa dữ liệu*” hơn, lợi ích cuối cùng thuộc về người tiêu dùng với giá dịch vụ hợp lý hơn do thị trường cạnh tranh.

Tóm lại, hiệu quả kinh tế – xã hội của Đề án không chỉ dừng ở những con số giao dịch trong 12 tháng thí điểm, mà còn mở ra một chương mới cho phát triển kinh tế số, khoa học công nghệ của Đà Nẵng. Trong dài hạn, nếu được nhân rộng, “chợ dữ liệu” sẽ trở thành một thành phần không thể thiếu của nền kinh tế, giống như thị trường hàng hóa hay thị trường vốn hiện nay, góp phần hiện thực hóa tầm nhìn Đà Nẵng là đô thị sáng tạo, đáng sống, và thịnh vượng trong kỷ nguyên số.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì tham mưu UBND thành phố về cơ chế triển khai thí điểm; đề xuất hình thức đầu tư, mô hình hợp tác và các điều kiện bảo đảm thực hiện dự án.

- Chủ trì xây dựng yêu cầu kỹ thuật, tiêu chí lựa chọn và tổ chức lựa chọn đơn vị triển khai thí điểm theo quy định; phối hợp các sở, ngành trong quá trình thẩm định hồ sơ, phương án kỹ thuật và năng lực của đơn vị đề xuất.

- Tổ chức, điều phối công tác khảo sát và xây dựng hệ thống, gồm khảo sát dữ liệu, hạ tầng, quy trình nghiệp vụ; giám sát thiết kế kiến trúc, tích hợp dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin trong quá trình triển khai.

- Chủ trì tổ chức vận hành thử, đánh giá và nghiệm thu các giai đoạn, tổng hợp kết quả thử nghiệm, đề xuất điều chỉnh kỹ thuật hoặc phạm vi khi cần thiết; bảo đảm hệ thống đáp ứng yêu cầu trước khi đưa vào vận hành chính thức.

- Chủ trì phối hợp đơn vị vận hành trong giai đoạn vận hành chính thức, theo dõi chất lượng dịch vụ, thực hiện giám sát việc tuân thủ SLA, quy chế quản lý dữ liệu, an toàn thông tin và chế độ báo cáo.

- Đề xuất phương án mở rộng, nhân rộng mô hình, đánh giá hiệu quả thí điểm, tổng hợp nhu cầu dữ liệu và yêu cầu nghiệp vụ phát sinh; tham mưu UBND thành phố kế hoạch đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống trong giai đoạn tiếp theo.

- Chủ trì công tác điều phối liên ngành, hướng dẫn các sở, ngành cung cấp dữ liệu, chuẩn hóa thông tin, bảo đảm đồng bộ kiến trúc và kết nối hệ thống; kịp thời xử lý các vướng mắc trong triển khai.

- Tổ chức hoạt động truyền thông, hướng dẫn và đào tạo, bảo đảm các đơn vị liên quan nắm bắt mục tiêu, phương thức vận hành và khai thác hệ thống; phối hợp thực hiện chuyển giao công nghệ theo từng giai đoạn.

- Định kỳ và đột xuất báo cáo UBND thành phố về tiến độ, kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp để bảo đảm triển khai hiệu quả.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì thẩm định phương án tài chính của dự án, gồm cơ cấu nguồn vốn, nhu cầu kinh phí, dự toán chi tiết và các điều kiện bảo đảm cân đối ngân sách theo quy định.

- Tham mưu UBND thành phố bố trí kinh phí thực hiện dự án theo từng giai đoạn; hướng dẫn việc sử dụng, quản lý và thanh quyết toán kinh phí bảo đảm đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Thẩm tra đơn giá, định mức, dự toán và các nội dung tài chính liên quan đến lựa chọn đơn vị triển khai thí điểm; phối hợp Sở KH&CN trong việc đánh giá hồ sơ tài chính, phương án đầu tư và cam kết của các đơn vị tham gia.

- Chủ trì xây dựng cơ chế định giá dữ liệu.

- Phối hợp trong việc xây dựng cơ chế thu – chi, giá dịch vụ và mô hình tài chính phục vụ vận hành hệ thống sau thí điểm; đề xuất cơ chế khai thác, quản lý và sử dụng nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật.

- Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ trong việc công bố dự án, mời quan tâm và tuyển chọn đơn vị triển khai, như thẩm định, rà soát nội dung hồ sơ mời

quan tâm, hồ sơ mời thầu liên quan đến phương án tài chính, cơ cấu chi phí, điều kiện thanh toán và cam kết tài chính của các nhà đầu tư/đơn vị đề xuất. Hướng dẫn việc xác định, công bố tổng mức đầu tư, cơ chế thu – chi, yêu cầu bảo đảm tài chính và các nghĩa vụ liên quan theo quy định pháp luật. Tham gia hội đồng đánh giá hồ sơ đề xuất về mặt tài chính, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và phù hợp ngân sách của phương án do các đơn vị tham dự cung cấp. Phối hợp trong việc lập, rà soát và công bố tiêu chí đánh giá tài chính của dự án khi thực hiện mời quan tâm hoặc lựa chọn đơn vị triển khai thí điểm.

3. Sở Tư pháp

Thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc thành lập, tổ chức và vận hành Sàn dữ liệu theo quy định hiện hành.

4. Công an thành phố

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, chủ trì bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ trong quá trình triển khai hệ thống.

5. Các sở, ban, ngành có liên quan, phường thí điểm

- Cung cấp đầy đủ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý, bao gồm dữ liệu nền, dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu vận hành, số liệu thống kê, bản đồ, hồ sơ quản lý và các thông tin liên quan phục vụ xây dựng Sàn dữ liệu; bảo đảm tính chính xác, cập nhật và đúng quy định pháp luật về dữ liệu và bảo mật.

- Phối hợp khảo sát, chuẩn hóa và xác minh dữ liệu, cử đầu mối kỹ thuật và nghiệp vụ làm việc với Sở KH&CN và đơn vị triển khai để hỗ trợ kết nối, chia sẻ dữ liệu, xử lý vướng mắc trong quá trình tích hợp.

- Tham gia thử nghiệm các chức năng của hệ thống, cung cấp tình huống nghiệp vụ, đánh giá tính phù hợp, đề xuất hoàn thiện tính năng, quy trình vận hành.

- Tham gia đào tạo, hướng dẫn sử dụng, bố trí cán bộ được phân công tiếp nhận chuyển giao công nghệ, hỗ trợ vận hành thử và vận hành chính thức.

- Thực hiện chế độ báo cáo, phản hồi kịp thời khó khăn, vướng mắc liên quan đến dữ liệu, quy trình nghiệp vụ, an toàn thông tin trong quá trình triển khai.

- Rà soát, đề xuất bổ sung dữ liệu và chức năng, bảo đảm hệ thống được duy trì, mở rộng và vận hành đồng bộ trong giai đoạn sau thí điểm.

- Tham gia thử nghiệm các tính năng, bao gồm báo cáo sự cố, phản ánh hiện trường, mô phỏng hiện trạng, quản lý trật tự đô thị, vận hành quy trình xử lý phản ánh và cập nhật dữ liệu trực tiếp.

- Cử đầu mối phụ trách, phối hợp thường xuyên với Sở KH&CN và đơn vị triển khai trong quá trình tích hợp dữ liệu, xử lý sự cố, vận hành thử và hoàn thiện hệ thống.

- Tham gia đào tạo, sử dụng và phản hồi, cung cấp ý kiến chuyên môn, đánh giá mức độ phù hợp của hệ thống với công việc thực tế tại cơ sở.

- Thực hiện chế độ báo cáo, cập nhật tình hình thử nghiệm, nêu rõ khó khăn, kiến nghị giải pháp trong triển khai thực tế tại địa phương.

6. Doanh nghiệp triển khai thí điểm

- Tổ chức khảo sát, thu thập và phân tích yêu cầu

- Chủ trì phối hợp với Sở KH&CN và các sở, ngành, địa phương để khảo sát dữ liệu, hạ tầng, quy trình nghiệp vụ và yêu cầu kỹ thuật.

- Lập báo cáo khảo sát và đề xuất giải pháp kỹ thuật, phạm vi chức năng phù hợp mục tiêu thí điểm.

- Xây dựng, phát triển và tích hợp hệ thống

- Thiết kế kiến trúc tổng thể, kiến trúc dữ liệu, kiến trúc an toàn thông tin của hệ thống sàn dữ liệu theo yêu cầu được phê duyệt.

- Tổ chức chuẩn hóa, chuyển đổi, tích hợp dữ liệu từ các sở, ngành và địa phương theo tiêu chuẩn kỹ thuật được ban hành.

- Đảm bảo an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu

- Thực hiện biện pháp bảo mật, an ninh mạng, phân quyền truy cập và quản lý dữ liệu theo đúng quy định pháp luật.

- Chịu trách nhiệm xử lý các lỗi hỏng kỹ thuật, đảm bảo an toàn hệ thống trong quá trình triển khai và vận hành thử.

- Tổ chức vận hành thử và hoàn thiện hệ thống

- Xây dựng kế hoạch vận hành thử; phối hợp các đơn vị liên quan để thử nghiệm chức năng, hiệu năng và khả năng ứng dụng thực tế.

- Tiếp thu ý kiến góp ý, hoàn thiện hệ thống; khắc phục lỗi kỹ thuật, bảo đảm đáp ứng các tiêu chí nghiệm thu thí điểm.
- Đào tạo, hướng dẫn và chuyển giao công nghệ
- Tổ chức đào tạo, tập huấn sử dụng hệ thống cho cán bộ các sở, ngành và UBND phường thí điểm.
- Cung cấp đầy đủ tài liệu kỹ thuật, tài liệu vận hành và hỗ trợ trong suốt thời gian thí điểm.
- Hỗ trợ vận hành chính thức (nếu được giao)
- Phối hợp Sở KH&CN theo dõi, giám sát hoạt động của hệ thống; duy trì hỗ trợ kỹ thuật theo thỏa thuận.
- Bảo đảm khả năng mở rộng, nâng cấp, tối ưu và duy trì tính ổn định của hệ thống trong phạm vi cam kết.
- Báo cáo tiến độ và thực hiện chế độ thông tin
- Định kỳ báo cáo tiến độ triển khai, tình hình thử nghiệm, sự cố phát sinh và biện pháp xử lý.
- Kịp thời đề xuất điều chỉnh kỹ thuật, giải pháp hoặc kế hoạch triển khai khi cần thiết.
- Tuân thủ hợp đồng và quy định pháp luật
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng thí điểm đã ký kết và các quy định pháp luật liên quan.
- Chịu trách nhiệm về chất lượng, tiến độ, bảo mật và hiệu quả của giải pháp thí điểm trong phạm vi được giao.

X. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện và xu thế phát triển kinh tế dữ liệu, việc triển khai thí điểm Sàn giao dịch dữ liệu thành phố Đà Nẵng là nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng, góp phần hình thành hạ tầng dữ liệu số, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tạo lập thị trường dữ liệu minh bạch, hiệu quả trên địa bàn thành phố.

Đề án đã xác định rõ mô hình tổ chức, kiến trúc hệ thống, cơ chế vận hành và lộ trình triển khai theo hướng hiện đại, đồng bộ, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và định hướng phát triển kinh tế dữ liệu quốc gia. Việc áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) bảo đảm vừa tạo không gian đổi mới sáng tạo, vừa kiểm soát rủi ro trong quá trình triển khai.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan tập trung triển khai các nhiệm vụ sau:

- Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai Đề án; xây dựng kế hoạch chi tiết, tổ chức thực hiện đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, hiệu quả; đồng thời làm đầu mối theo dõi, tổng hợp, đánh giá và định kỳ báo cáo UBND thành phố. Chủ trì công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai; đồng thời tổ chức theo dõi, đánh giá toàn diện kết quả thực hiện Đề án theo các tiêu chí đã đề ra.

- Đề nghị Công an thành phố chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an và các đơn vị liên quan để được hướng dẫn, triển khai đồng bộ với Sàn dữ liệu quốc gia; tổ chức kiểm tra, đánh giá bảo đảm an ninh mạng, an toàn hệ thống; thực hiện giám sát, kiểm tra việc tuân thủ các quy định pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong toàn bộ quá trình triển khai và vận hành sàn.

- Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Đề án theo quy định; đồng thời nghiên cứu, tham mưu cơ chế định giá dữ liệu, cơ chế tài chính, thu – chi trên Sàn giao dịch dữ liệu; trường hợp cần thiết, chủ động xin ý kiến hướng dẫn của Bộ Tài chính để bảo đảm phù hợp quy định và khả thi trong triển khai.

- Yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp triển khai; tổ chức chuẩn hóa, cung cấp, kết nối và khai thác dữ liệu; đưa nội dung tham gia sàn giao dịch dữ liệu vào kế hoạch chuyển đổi số hằng năm; chịu trách nhiệm về tiến độ và chất lượng dữ liệu cung cấp.

- Giao các đơn vị tham gia thí điểm bố trí nhân lực, hạ tầng kỹ thuật, phối hợp chặt chẽ trong quá trình triển khai; thực hiện nghiêm các quy định về bảo mật, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu.

- Giao các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường phối hợp, kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai; bảo đảm việc thực hiện Đề án đồng bộ, hiệu quả và đúng quy định pháp luật.

Việc triển khai thí điểm Đề án phải được thực hiện thận trọng, có lộ trình phù hợp, bảo đảm an ninh, an toàn dữ liệu, tuân thủ quy định pháp luật, đồng thời hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người dân. Kết quả thực hiện Đề án sẽ được theo dõi, đánh giá, tổng kết làm cơ sở cho việc hoàn thiện mô hình, phục vụ định hướng phát triển thị trường dữ liệu bền vững, góp phần thúc đẩy kinh tế số của thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn tiếp theo.

